



CAM RANH PORT



2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

(0258) 3854 307

(0258) 3854 536

www.camranhport.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH



MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

02 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

04 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

05 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018



01 THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành & phát triển
- Ngành nghề kinh doanh
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

- Tên viết tắt CẢNG CAM RANH
- Tên tiếng Anh CAMRANH PORT JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKDN số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4200272350 do của Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa cấp ngày 25/06/2015
- Vốn điều lệ 245.018.170.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu 266.226.388.571 đồng
- Trụ sở chính Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại (0258) 3854 307
- Fax (0258) 3854 536
- Email mail@camranhport.vn
- Website www.camranhport.vn

“CCR luôn cố gắng đem đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng”

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

30/05/1991

Công ty TNHH một thành viên Cảng Cam Ranh trước đây là Cảng Ba Ngòi được thành lập theo Quyết định số 589/QĐ-UB của UBND tỉnh Khánh Hòa, là loại hình Công ty nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa.

31/10/2007

Cảng Ba Ngòi được chuyển giao nguyên trạng thành Công ty nhà nước, thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) theo Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 1070/QĐ-HĐQT ngày 24/10/2007 của HĐQT Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Năm 2009

Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Cam Ranh được thành lập theo Quyết định số 168/BGTVT ngày 16/01/2009.

Năm 2014

Công ty cổ phần hóa theo Nghị quyết số 749/NQ-HHVN ngày 19/03/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

28/01/2015

Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam ban hành Quyết định số 38/QĐ-HHVN về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Cam Ranh thành Công ty Cổ phần.

16/03/2015

Tổ chức đấu giá bán cổ phần ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh tại SGDCK Hà Nội, giá đấu thành công bình quân là 10.172 đồng/cổ phần.

12/06/2015

Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.

25/06/2015

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH một thành viên, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

20/08/2015

Công ty được chấp thuận Đăng ký công ty đại chúng theo Thông báo số 5194/UB-CK-QLPH của Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN).

03/09/2015

Công ty được cấp Giấy nhận đăng ký chứng khoán số 73/2015 GCNCP-VSD của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

10/09/2015

Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định đăng ký giao dịch số 589/QĐ-SGDHN.

24/09/2015

Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



CÁC KHEN THƯỞNG TIÊU BIỂU

Năm	Danh hiệu, hình thức khen thưởng	Quyết định số	Ngày ra quyết định	Cấp ra quyết định
2005	Huân chương lao động hạng III	Quyết định số 681/2005	30/6/2005	Chủ tịch nước
2011	Huân chương lao động hạng II	Quyết định số 1769/QĐ-CTN	06/10/2011	Chủ tịch nước
2011	Bằng khen thủ tướng	Quyết định số 76/QĐ-TTg	11/01/2011	Thủ tướng Chính phủ
2014	Bằng khen thủ tướng	Quyết định số 1665/QĐ-TTg	17/9/2014	Thủ tướng Chính phủ
2017	Cờ thi đua thủ tướng	Quyết định số 175/QĐ-TTg	09/02/2017	Thủ tướng Chính phủ
2012	Bằng khen Bộ GTVT	Quyết định 2810/QĐ-BGTVT	01/11/2012	Bộ GTVT
2014	Bằng khen Bộ GTVT	Quyết định 2918/QĐ-BGTVT	01/08/2014	Bộ GTVT
2015	Bằng khen Bộ GTVT	Quyết định 3823/QĐ-BGTVT	28/10/2015	Bộ GTVT
2016	Bằng khen Bộ GTVT	Quyết định 2391/QĐ-BGTVT	02/8/2016	Bộ GTVT
2010-2011	Cờ thi đua xuất sắc 2 năm liền	Quyết định số 09/QĐ-BGTVT ngày 05/01/2010 Quyết định số 107/QĐ-BGTVT	05/01/2010 19/01/2011	Bộ GTVT
2014	Cờ thi đua Bộ GTVT	Quyết định 47/QĐ-BGTVT	07/01/2014	Bộ GTVT



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistics; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ, tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế hải quan.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Địa điểm kinh doanh chính của Công ty đặt tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh của Công ty trải rộng trên toàn quốc thông qua hệ thống quan hệ kinh doanh với khách hàng là các chủ tàu, chủ hàng, các đại lý hàng hải, vận tải biển.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:

Đại hội đồng cổ đông:

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đương nhiệm có năm (05) thành viên, trong đó có bốn (04) thành viên không tham gia điều hành và một (01) thành viên điều hành.

Ban Tổng Giám đốc:

Bao gồm một (01) Tổng Giám đốc, hai (02) Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc, một (01) Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách về lĩnh vực nội chính, một (01) Phó Tổng Giám đốc phụ trách về lĩnh vực kinh doanh, khai thác. Bên cạnh đó, Kế toán trưởng giúp việc cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính. Có chức năng, nhiệm vụ điều hành, tổ chức công tác tài chính, kế toán của công ty theo quy định của Luật kế toán và các quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đương nhiệm có ba (03) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên chuyên trách không tham gia điều hành và hai (02) thành viên kiêm nhiệm (không phải ở bộ phận kế toán của Công ty).

Các phòng ban chức năng:

Ba (03) Phòng chức năng phụ trách từng mảng lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ và một (01) Trung tâm Kinh doanh khai thác thực hiện chức năng nhiệm vụ tổ chức kinh doanh và triển khai hoạt động cung ứng dịch vụ.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch
- Phòng Tổ chức – Hành chính
- Phòng Kỹ thuật – Công trình

CÔNG TY CON

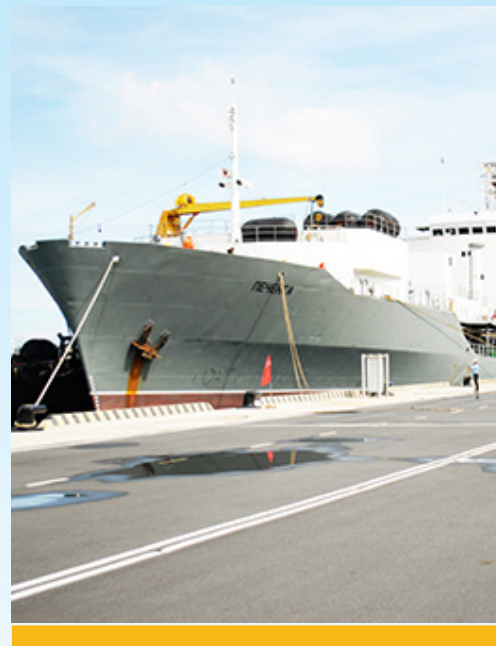
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI CẢNG CAM RANH

Địa chỉ : 29 Nguyễn Trọng Kỳ, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

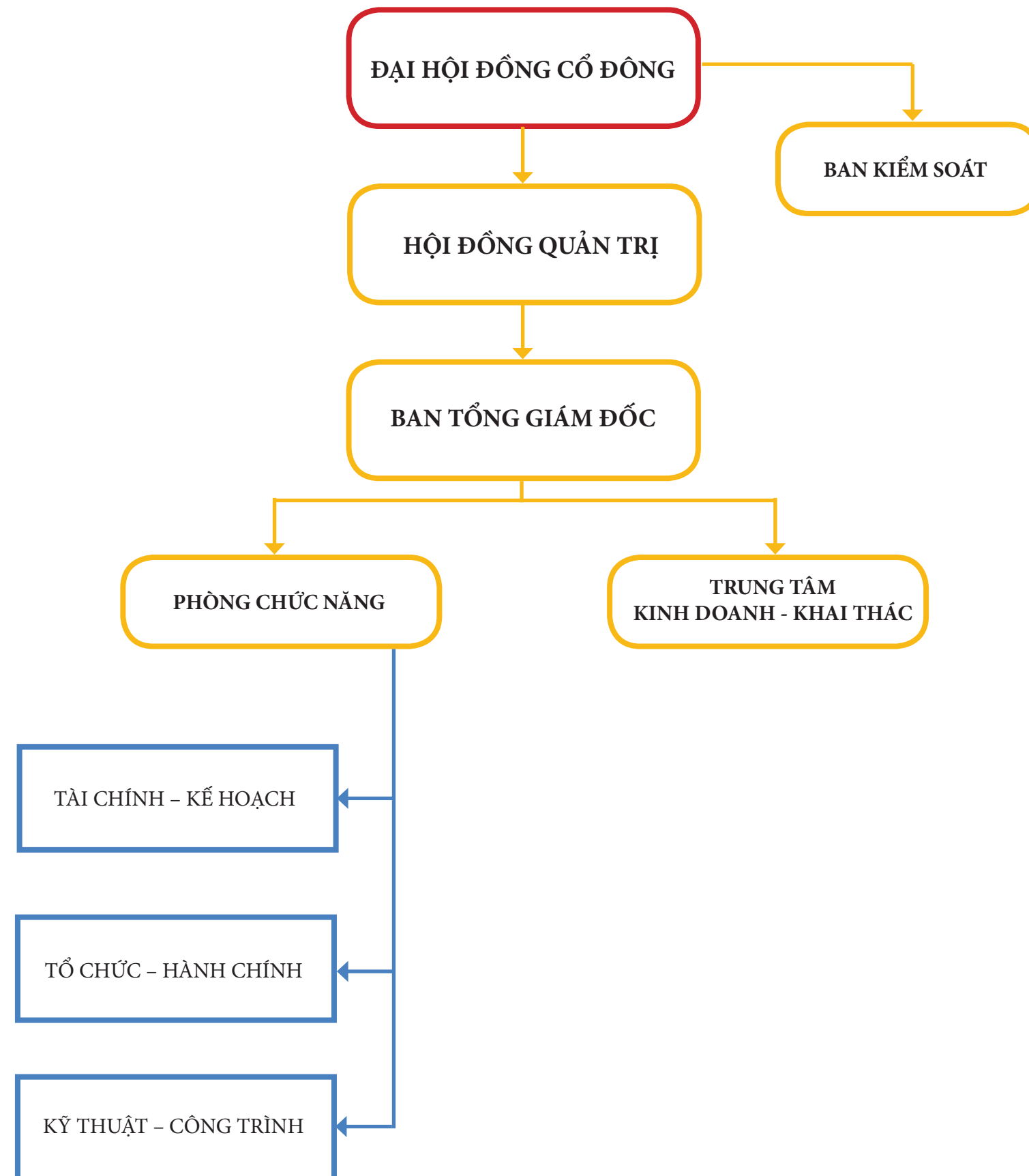
Ngành nghề kinh doanh chính : Dịch vụ hàng hải

Vốn điều lệ : 7.000.000.000 đồng, chiếm 51%

Vốn CCR nắm giữ (tính đến 31/12/2018): 3.569.790.000 đồng



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty:

Trở thành doanh nghiệp khai thác cảng trọng điểm của cả nước và trong khu vực, là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng logistics của Việt Nam và khu vực, tạo nguồn động lực để phát triển kinh tế - xã hội địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, là Cảng biển xếp thứ 3 khu vực Trung Bộ về sản lượng khai thác.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung nguồn lực đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng cảng biển (bến cảng, phương tiện xếp dỡ, kho bãi, hạ tầng kỹ thuật) để tăng sức mạnh cạnh tranh, năng lực xếp dỡ cả về chủng loại và sản lượng. Triển khai công tác marketing để thu hút và tăng sản lượng hàng thông qua cảng với năng lực xếp dỡ là 2,5 triệu tấn/năm vào năm 2020. Mở rộng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, xây dựng chuỗi cung ứng (logistics), xây dựng khu vực hậu cần sau cảng nằm trong diện tích đất và mặt nước được quy hoạch.
- Tiêu chí thực hiện chiến lược giai đoạn này là: “Mở rộng thị trường mới trên cơ sở phát triển và khai thác hiệu quả thị trường hiện có”.
- **Định hướng đến năm 2030:** Tiếp tục phát triển sâu - rộng các lĩnh vực kinh doanh của công ty, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ cảng biển theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa với công suất khai thác đạt 5 triệu tấn/năm.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Mục tiêu đối với môi trường:

- Công tác bảo vệ môi trường biển luôn được Công ty chú trọng trong quá trình vận hành, khai thác cảng biển. Để án bảo vệ môi trường bao gồm kế hoạch quản lý và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; có chương trình giám sát và quản lý giai đoạn vận hành, phải thu gom và xử lý chất thải rắn, lỏng và chất thải công nghiệp từ tàu cập cảng; xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng chống sự cố (tràn dầu, tràn hóa chất, cháy nổ, an toàn lao động); sẵn sàng phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu; định kỳ lập báo cáo môi trường khu vực cảng.
- Công ty có hệ thống tiếp nhận và xử lý các chất thải từ tàu, bên cạnh đó, còn quan tâm tới vấn đề phát triển đồng bộ giữa cảng biển với mạng cơ sở hạ tầng sau cảng, giữa kết cấu hạ tầng cảng biển với hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển, kiểm soát được ô nhiễm môi trường.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Tinh thần trách nhiệm cộng đồng đã được tích hợp đầy đủ vào mô hình và chính sách kinh doanh, các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng của Công ty.

Các chính sách đối với cộng đồng của Công ty dựa vào các nền tảng nhằm xác định các cách thức phù hợp nhất trong các giao dịch kinh doanh với tất cả các bên liên quan bao gồm: khách hàng, nhà cung cấp, các nhân viên, và cộng đồng nói chung, nhằm mục tiêu cùng phát triển.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

CTCP Cảng Cam Ranh là một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế Việt Nam. Hơn nữa, ngành, nghề chính của Công ty là dịch vụ khai thác cảng biển, khai thác dịch vụ liên quan đến hàng hải. Do đó, tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tình hình thương mại thế giới:

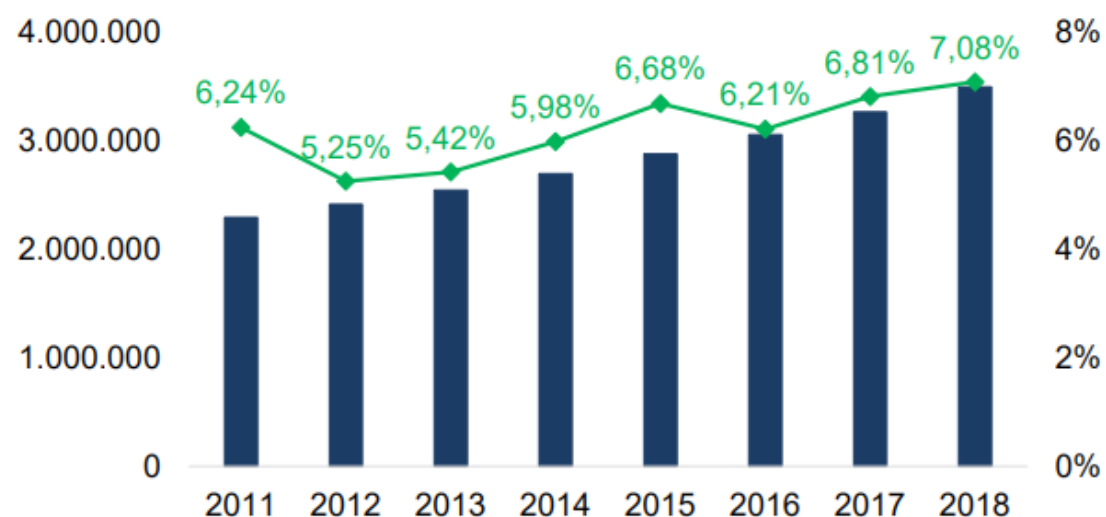
Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung trong năm 2018 có thể giúp Việt Nam tăng khả năng giành thị phần từ Trung Quốc, bởi vì Việt Nam sở hữu nguồn lao động tương đối rẻ, môi trường chính trị ổn định và các chính sách thương mại mở. Song, cũng cần lưu ý rằng giá trị xuất khẩu của Việt Nam đối với các hàng hóa mà Trung Quốc đã bị đánh thuế (gỗ, dệt may và giày dép) đã tăng trưởng với tốc độ cao hơn so với mọi năm. Xu hướng này có thể sẽ thúc đẩy nhu cầu vận chuyển quốc tế từ/đến Việt Nam, do đó cũng tăng cường lượng container thông quan, do các sản phẩm này chủ yếu được vận chuyển qua đường biển. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê cho biết, năm qua Việt Nam đã thu hút 19.100 triệu USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (chủ yếu từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore), đó là một con số lạc quan khi các nước đầu tư FDI sẽ gia tăng nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu và xuất khẩu thành phẩm của doanh nghiệp FDI đầu tư sản xuất kinh doanh tại Việt Nam. Tạo ra một cơ hội lớn cho ngành cảng nói chung và CCR nói riêng.

Bên cạnh đó, năm qua Việt Nam đã chính thức ký Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) vào 15/11/2018; và Năm 2018 là cột mốc quan trọng, khi Việt Nam đang trong quá trình ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), dự kiến sẽ được thông qua vào tháng 5/2019. Có thể nói rằng Liên minh châu Âu (EU) hiện là một trong số các đối tác hàng đầu của Việt Nam về quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư.

Mở ra cánh cửa hội nhập đồng thời tác động toàn diện đến kinh tế, chính trị, đối ngoại của Việt Nam. Khi đã tham gia CPTPP, Việt Nam không chỉ cam kết mở cửa thị trường, gỡ bỏ hàng rào thuế quan, tiếp tục tự do hóa và thuận lợi hóa thương mại, mà còn tiếp tục công khai và minh bạch hóa quản lý nhà nước về phát triển thị trường. CPTPP đem đến cơ hội xuất khẩu và nhập khẩu lớn trong năm tới, tạo tiền đề cho ngành cảng biển Việt Nam phát triển trong tương lai. Vì vậy, CCR đang trong quá trình chuẩn bị, hoàn thiện bộ máy quản lý để đáp ứng được nhu cầu vận chuyển sắp tới.

Tốc độ tăng trưởng GDP:

Theo Tổng cục Thống kê năm 2018 là một năm thành công đối với nền kinh tế trong nước, khi mức GDP tăng 7,08% so với cùng kỳ năm 2017 đã vượt xa với mức kế hoạch đề ra. Đây được xem là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Đặc biệt phải kể đến, giá trị thương mại năm qua đem lại đạt 4.395.704 tỷ đồng, trong đó xuất nhập khẩu hàng hóa mang lại giá trị xuất siêu là 7.211 triệu USD. Những con số trên đã cho thấy bức tranh “tươi sáng” nền kinh tế Việt Nam, đem lại những dấu hiệu đáng mừng và nhiều cơ hội cho CCR. Có thể nói đây vừa là động lực, vừa là thách thức cho Công ty trong năm 2019 khi việc hội nhập kinh tế trở nên phổ biến hơn.



Rủi ro tỷ giá

Biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến giao dịch ngoại tệ. Với đặc thù hoạt động trong ngành khai thác cảng, tỷ giá thay đổi cũng sẽ tác động đến hoạt động của Công ty. Trong năm 2018 chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung đã ảnh hưởng rất nhiều đến tỷ giá USD/VND. Khi tính chung cả năm 2018, VND đã mất giá khoảng 2,2-2,3% so với USD (do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định tăng lãi suất lần thứ tư trong năm), thấp hơn khá nhiều so với mức mất giá của EUR, GBP và CNY lần lượt là 4,5%, 5,7% và 5,4%. Và theo nhiều dự báo, năm 2019, nếu đồng Nhân dân tệ (CNY) tiếp tục mất giá sẽ gây sức ép nhất định lên tỷ giá VND và gián tiếp gây sức ép lên lãi suất. Năm bắt được tình hình trên CCR luôn quan tâm đến biến động tỷ giá để có các chính sách phù hợp nhằm tối thiểu chi phí.

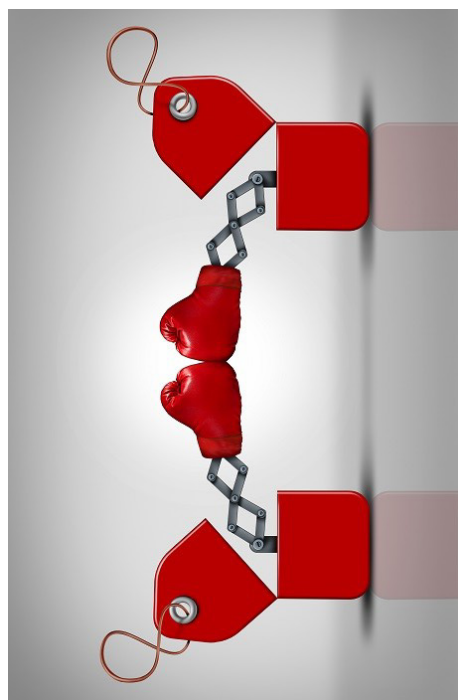
Rủi ro lãi suất

Với đặc thù ngành đòi hỏi Công ty phải đầu tư nhiều vào hạ tầng, trang thiết bị, công nghệ, tàu thuyền với trọng tải lớn... do đó Công ty cần nguồn kinh phí lớn để đầu tư, ngoài huy động vốn từ nhà đầu tư thì CCR còn vay nợ từ ngân hàng cho nên rủi ro lãi suất là rủi ro mà CCR thường phải gặp. Tỷ trọng vay nợ phải trả năm qua của CCR là 70,27%, tương đương 78 tỷ đồng. Trong đó nợ dài hạn chiếm tới 92,31%, còn lại là nợ ngắn hạn chiếm 7,69%; bên cạnh đó Công ty đang vay theo chính sách lãi suất thả nổi của ngân hàng, cho nên ban điều hành của CCR cần đặc biệt quan tâm đến diễn biến lãi suất. Năm 2018, lãi suất trung bình Việt Nam giảm còn 6% - 7,5%/năm, sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết 01/NQ-CP (01/01/2018) về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018. Trong đó, Chính phủ chỉ đạo trong năm 2018, tiếp tục giảm lãi suất cho vay để phù hợp với điều kiện kinh tế, tập trung tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, khu vực sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, lãi suất vay ngân hàng năm 2018 có xu hướng giảm không chỉ bởi có chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ hay Ngân hàng Nhà nước mà còn bởi sự tác động tích cực của Nghị quyết 42/2017/QH14 (21/06/2017) về thí điểm xử lý nợ xấu. Tại Hội nghị Triển khai nhiệm vụ ngân hàng năm 2019, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lê Minh Hưng cũng đã cho biết: “Mặt bằng lãi suất được duy trì ổn định trong bối cảnh lãi suất thị trường quốc tế gia tăng”. Với việc mức lãi suất được kiểm soát khá tốt từ Nhà nước nên sẽ không ảnh hưởng quá nhiều đến các hoạt động tài chính, cũng như trả nợ và trả lãi vay của Công ty. Nhưng Công ty vẫn luôn theo dõi thường xuyên để có thể đề ra các biện pháp để ứng phó kịp thời khi lãi suất có biến chuyển lớn so với ban đầu.



Rủi ro cạnh tranh

*Cạnh tranh là động lực để
phát triển*



Khánh Hòa có trên 385 km bờ biển cùng nhiều vịnh sâu từ 10 - 30m, kín gió và cách hải phận quốc tế khoảng 14 km thuận lợi cho việc phát triển kinh tế biển. Với sự đa dạng về loại hình khai thác, các cảng biển tại Khánh Hòa tạo ra một hệ thống cảng biển có năng lực trung chuyển lớn, với khối lượng hàng hóa tăng trưởng hàng năm. Hiện Khánh Hòa có 10 bến cảng đi vào hoạt động với nhiều hình thức, công năng khai thác. Trong đó, nhiều cảng quan trọng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, quốc phòng của cả nước như cảng Cam Ranh, cảng Quốc tế Cam Ranh, cảng Nha Trang... CCR là một trong những cảng biển trọng tâm của tỉnh khi chỉ trong 10 tháng năm 2018, cảng Cam Ranh đã nhận hơn 2 triệu tấn hàng thông qua cảng. Thuận lợi là vậy nhưng vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức đối với Công ty khi vẫn chưa hoạt động hết năng suất, do đó Công ty vẫn đang xếp sau hai cảng lớn trong khu vực là cảng Quốc tế Cam Ranh, cảng Nha Trang. Vì vậy, CCR đang trong quá trình hoàn thiện các chính sách quản lý nhằm nâng cao hiệu quả, đưa Cảng Cam Ranh phát triển trở thành một cảng trọng yếu trong khu vực. Bên cạnh đó, giá cả cũng tạo nên tính cạnh tranh vốn đã gay gắt nay còn gay gắt hơn giữa các doanh nghiệp, vì phí dịch vụ ít có sự khác biệt đã tạo áp lực cạnh tranh trong ngành gia tăng. .

Rủi ro pháp luật

CCR là một chủ thể hoạt động kinh doanh trong thị trường hiện nay nên hoạt động của Công ty chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,... Ngoài ra, Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng và dịch vụ logistics nên còn chịu sự chi phối các văn bản Luật như Luật Hàng hải, Luật Thương mại, Luật Giao thông vận tải. Với việc hệ thống pháp luật liên quan đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, các chính sách của nhà nước trong lĩnh vực vận tải, xuất nhập khẩu thay đổi cũng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, CCR còn chịu ảnh hưởng của luật pháp quốc tế, luật pháp từng địa phương trong quá trình hoạt động kinh doanh.

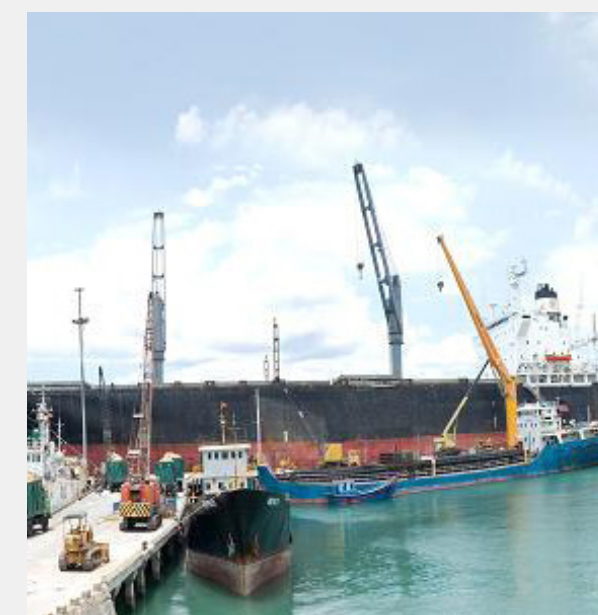
Vi vậy, Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực vận tải và các lĩnh vực liên quan khác. Công ty không chỉ phải luôn bám sát các văn bản pháp luật Nhà nước về điều hành vận tải mà còn phải tuân thủ các Điều ước quốc tế, các thỏa ước Hiệp hội vận chuyển, giao nhận hàng hóa quốc tế như FIATA, CPTPP,... để có thể điều chỉnh công tác nghiệp vụ sao cho phù hợp và hiệu quả.

Chính sách của Nhà nước và địa phương

Hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước khác bao gồm chính sách thuế, phí, kiểm tra chất lượng hàng hóa và đặc biệt là các chính sách quản lý đặc thù với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ. Theo báo cáo “Doing Business 2017” của World Bank, doanh nghiệp xuất và nhập khẩu tại Việt Nam phải mất trung bình từ 05 - 06 ngày để thực hiện đầy đủ các thủ tục hải quan, cao hơn 01 ngày so với trung bình khu vực Đông Nam Á. Ngoài ra, quy định về các loại thuế phí không rõ ràng, gây ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động hải quan... Đó là những rào cản lớn khiến ngành cảng biển Việt Nam gặp nhiều khó khăn.

Vừa qua, theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung bộ (Nhóm 4) giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, cảng biển Khánh Hòa là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (Loại I). Đó là một cơ hội cho các công ty thuộc nhóm ngành cảng biển nói chung và CCR nói riêng. Riêng cảng Cam Ranh thuộc khu bến Cam Ranh có thể phát triển gồm 4 bến cho tàu 30.000 tấn đến 50.000 tấn cập cảng. Năng lực hàng hóa thông qua cảng Cam Ranh dự kiến đến năm 2020 dự kiến đạt 3,4 - 3,8 triệu tấn/năm. Hiện tại, Công ty đang có 2 bến tàu, dự kiến sẽ được khai thác và mở rộng thêm cho thấy tiềm năng và cơ hội đến với CCR rất lớn. Do đó, CCR đang có các bước chuẩn bị tích cực và hợp lý để hoàn thành mục tiêu của tỉnh Khánh Hòa nói chung, và nâng cao giá trị của Công ty nói riêng.

Ngoài ra, trong năm qua Chính phủ đã đẩy mạnh việc đầu tư công, trong đó phần lớn được dành cho lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, gồm cả hạ tầng cứng (đường giao thông, sân bay, bến cảng, cấp thoát nước, điện, viễn thông...), lẫn hạ tầng mềm (y tế, giáo dục...). Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2018, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn Ngân sách Nhà nước đạt 324.906 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước. Điều đó cho thấy rằng Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh phát triển giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương và hội nhập như hiện nay – thời đại tự do thương mại. Công ty cần tận dụng cơ hội này để tạo bản lề phát triển toàn diện, trở thành một cảng lớn và mạnh trong địa phương và cả nước.



Rủi ro đặc thù kinh doanh



Rủi ro đầu vào ngành cảng biển

Hiện nay ngành cảng biển Việt Nam đang đối mặt với các thách thức như hạ tầng cảng chưa đồng bộ; trang thiết bị, công nghệ chưa hiện đại (hầu hết các trang thiết bị đều được nhập khẩu nên các cảng ở Việt Nam vẫn chưa chủ động được; giá nguyên nhiên liệu không ổn định. Do đó công suất bốc dỡ còn thấp, dẫn đến tình trạng chậm trễ ở các bến cảng); lao động vừa thiếu vừa yếu (chi phí nhân công chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng chi phí hoạt động của ngành nói chung và công ty nói riêng trong năm 2018 chiếm 11,94% giá vốn hàng bán).

Bên cạnh đó, ở Việt Nam hiện nay vẫn thiếu nhiều lao động trong ngành được đào tạo bài bản qua trường lớp về hoạt động của cảng cũng như từng loại hàng hóa mà cảng khai thác, do đó phần lớn các lao động cảng biển đều phải đào tạo lại nên rất tốn thời gian và chi phí cho các cảng. Theo thống kê của Viện Nghiên cứu phát triển logistics, nguồn nhân lực phục vụ cho ngành logistics hiện nay thiếu 26% chuyên gia kỹ thuật, 21% số người có kiến thức về ngành logistics. Trong 1,5 triệu lao động ngành logistics chỉ có 3% đã qua đào tạo; 53% doanh nghiệp thiếu nhân lực và 30% doanh nghiệp cần phải đào tạo lại. Nhận rõ được thực trạng trên, CCR luôn chủ động, linh hoạt lựa chọn những phương án phù hợp để có được đội ngũ lao động chất lượng và tốt nhất.

Về giá nguyên nhiên liệu, CCR chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực bốc xếp hàng hóa, bên cạnh đó còn có các hoạt động liên quan đến vận chuyển hàng hóa, vận hành các máy móc thiết bị nên khi giá xăng dầu tăng có thể ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty. Năm 2018, với việc giá xăng dầu liên tục tăng giảm bất thường khiến cho Công ty gặp khó khăn trong việc quản lý chi phí của mình. Theo số liệu thống kê của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex, trong một tháng giá xăng có thể thay đổi 2 - 3 lần, mặc dù biên độ giao động chỉ từ 1.000 - 2.000 đồng/ lít nhưng với việc sử dụng nhiều nhiên liệu trong quá trình vận hành hoạt động nên gây khó khăn lớn cho việc quản lý Công ty. Do đó, CCR luôn chú trọng đến sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào nhằm cân bằng chi phí, có công tác đầu tư phù hợp đảm bảo triển khai các dự án một cách tốt nhất. Và luôn theo sát cơ chế điều chỉnh giá xăng dầu của Chính phủ để có thể ứng phó kịp thời khi giá có sự biến chuyển trong thời gian ngắn gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Rủi ro môi trường



Công ty nhận diện các nguồn nguy hại chính liên quan đến vấn đề môi trường phát sinh khi vận chuyển, xếp dỡ các loại hàng hóa nguy hiểm; việc thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý các nguồn rác thải nguy hiểm đem đến một bài toán khó cho ban điều hành phải cân bằng giữa hoạt động Công ty và bảo vệ môi trường tốt nhất. Ngoài ra còn có các mối nguy hại vật lý như các sự cố cháy nổ, sự cố điện, nhiệt, thời tiết có thể gây hư hỏng hàng hóa cũng như tàu gặp sự cố khi đang vận chuyển là một trong những rủi ro khó có thể lường trước được. Đòi hỏi CCR phải linh hoạt và chủ động ứng biến khi có các sự cố bất thường xảy ra nhằm giảm mức thiệt hại đến mức tối thiểu.

Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...





02 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
- Những thay đổi nhân sự
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VIỆT NHÂM Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	12/02/1962
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác thủy sản, Cử nhân khoa học ngành Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	11.400 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	6.125.454 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> • Từ 11/1985 đến 03/1992 Công tác tại Công ty Vận tải thủy bộ Cam Ranh • Từ 04/1992 đến nay Công tác tại Cảng Cam Ranh

Ngày tháng năm sinh	22/05/1980
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chuyên viên Ban Quản lý Cảng biển và Dịch vụ Hàng hải - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.386.871 cổ phần, chiếm 17,9% vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> • Từ T11/2002 đến 05/2012 Công tác tại Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Cần Thơ • Từ T05/2012 đến nay Công tác tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Ông HOÀNG QUỐC PHƯƠNG Thành viên HĐQT



Ông NGUYỄN ĐĂNG SONG Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	09/08/1981
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Trưởng Ban - Ban Quản lý Cảng biển và Dịch vụ Hàng hải Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.410.327 cổ phần, chiếm 18% vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> • Từ T11/2004 đến nay Công tác tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Ngày tháng năm sinh	01/01/1965
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	52.600 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.900.363 cổ phần, chiếm 20,2% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
• Từ 1987 đến 1993	Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô Cam Ranh
• Từ 1993 đến nay	Công tác tại Cảng Cam Ranh

Ông PHẠM HỮU TẤN

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc



Ông NGUYỄN VĂN TÀI

Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	08/05/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Phú Xuân
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	3.497.102 cổ phần, chiếm 14,27% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
• Từ 1989 đến 2001	Cán bộ khảo sát – Công ty tư vấn xây dựng công trình thủy I
• Từ 2001 đến 07/2017	Giám đốc Công ty tư vấn & xây dựng Phú Xuân
• Từ 08/2017 đến nay	Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Phú Xuân

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

**Bà DƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH****Trưởng ban kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh	05/11/1985
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế, tài chính ngân hàng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
• Từ 2007 đến 2009	Cán bộ tư vấn TCDN – Công ty CP chứng khoán Thủ Đô
• Từ 2009 đến nay	Chuyên viên Ban Kế toán – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Ngày tháng năm sinh	13/04/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế; Kế toán doanh nghiệp
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Nhân viên Trung tâm Kinh doanh- Khai thác – Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh
Số cổ phần cá nhân sở hữu	19.400 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
• Từ 09/2000 đến nay	Công tác tại Cảng Cam Ranh

Bà NGUYỄN THỊ NGỌC HÒA**Kiểm soát viên****Bà DƯƠNG THỊ THANH MAI****Kiểm soát viên**

Ngày tháng năm sinh	28/07/1985
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh
Số cổ phần cá nhân sở hữu	5.800 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
• Từ 09/2006 đến nay	Công tác tại Cảng Cam Ranh

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông PHẠM HỮU TẤN

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Sơ yếu lý lịch Ông Phạm Hữu Tấn vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị.

Ngày tháng năm sinh	1968
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	11.500 cổ phần, chiếm 1,43% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> • Từ 1990 đến 2000 Công tác tại Công ty Công trình đô thị Cam Ranh • Từ 2000 đến nay Công tác tại Cảng Cam Ranh

Ông NGUYỄN VĂN THẮNG

Phó Tổng giám đốc



Ông NGUYỄN HUY PHƯƠNG

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh	14/04/1963
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	20.200 cổ phần, chiếm 1,67% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> • Từ 7/1987 đến 3/2002 Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Khánh Hòa • Từ 4/2002 đến nay Công tác tại Cảng Cam Ranh

NHỮNG THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Trong năm qua, Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh có sự thay đổi nhân sự như sau:

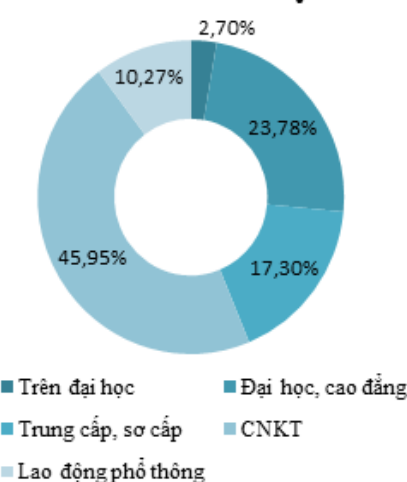
STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm
1	Dương Văn Thành	Thành viên HĐQT	19/04/2018
2	Nguyễn Huy Phương	Thành viên HĐQT	19/04/2018
3	Dương Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2018

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2018 là 185 người.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	185	100,00%
1	Trên đại học	5	2,70%
2	Đại học, cao đẳng	44	23,78%
3	Trung cấp, sơ cấp	32	17,30%
4	CNKT	85	45,95%
6	Lao động phổ thông	19	10,27%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	185	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	40	21,62%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	129	69,73%
3	Hợp đồng theo thời vụ	16	8,65%
C	Theo giới tính	185	100,00%
1	Nam	157	84,86%
2	Nữ	28	15,14%

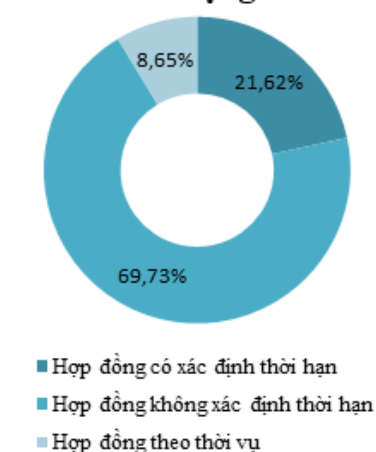
Lao động của CCR được chia thành 5 nhóm theo trình độ, trong đó nhóm công nhân kỹ thuật chiếm tỷ lệ cao nhất 45,95%. Có thể thấy cơ cấu lao động của Công ty phù hợp với tính chất hoạt động của mình. Hoạt động trong ngành cảng, vận chuyển hàng hóa, Công ty cần nhiều lao động có sức khỏe, nhanh nhẹn, có trình độ chuyên môn để đáp ứng được nhu cầu công việc yêu cầu về kỹ thuật, vận hành máy móc thiết bị và làm việc trực tiếp ở cảng.

Theo trình độ



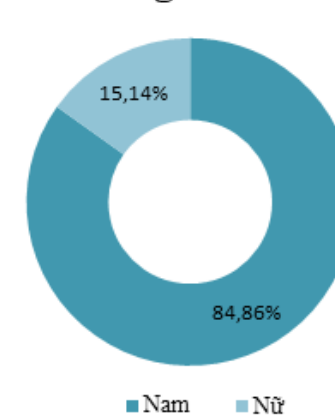
Trong 185 lao động của CCR có 129 người là lao động không xác định thời hạn, chiếm 69,73%; 40 người là được Công ty ký hợp đồng có thời hạn, chiếm 21,62%; còn lại là lao động thời vụ chiếm 8,65%. Với quá trình hình thành lâu năm, Công ty đang cố gắng xây dựng đội ngũ lao động ổn định, chất lượng, có kinh nghiệm để có thể hoàn thiện bộ máy quản lý tốt nhất. Do đó số lượng nhân công không thời hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất, để đảm bảo sự phù hợp với hoạt động Công ty hướng đến mục tiêu ổn định nguồn lực và phát triển Công ty.

Theo tính chất hợp đồng lao động



CCR hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ cảng biển trong thời gian dài, với tính chất công việc thường xuyên phải làm trong môi trường khó khăn, công việc vất vả. Do đó, lao động là những người yêu cầu có sức khỏe, tháo vát nên tỷ lệ nam giới trong Công ty chiếm phần lớn đạt 84,86% trong tổng số lao động. Còn nữ giới chiếm tỷ trọng nhỏ hơn và chủ yếu làm trong các phòng ban hành chính của Công ty.

Theo giới tính

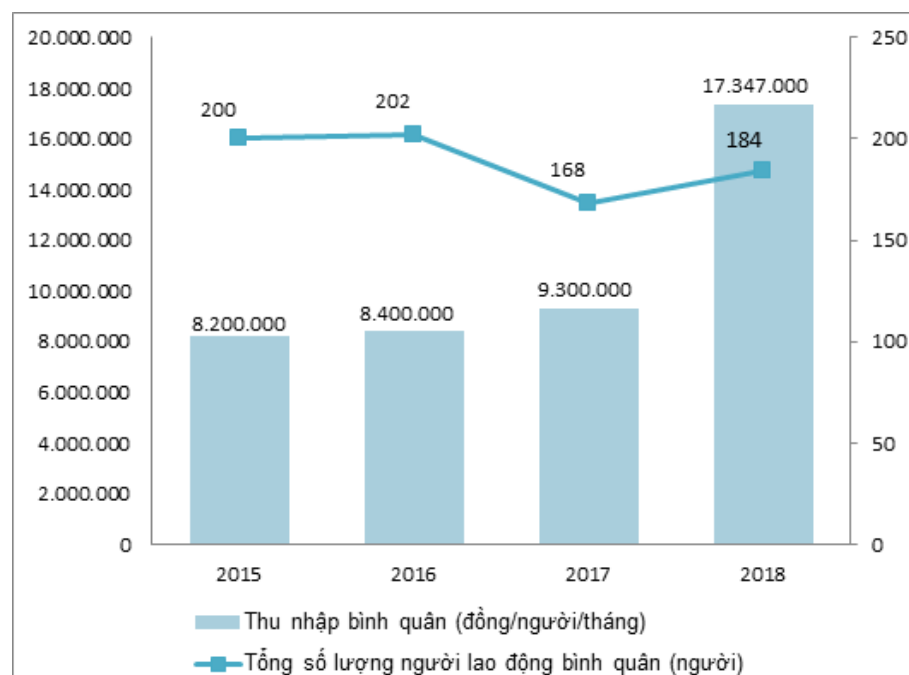


TÌNH HÌNH NHÂN SỰ



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng số lượng người lao động (người)	200	202	168	185
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.200.000	8.400.000	9.300.000	17.347.000



Nguồn nhân lực của Công ty trong thời gian qua đã và đang không ngừng gia tăng chất lượng lao động để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự trong quá trình phát triển. Công ty rất chú trọng đào tạo nhân viên, thuyền viên nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo về quản lý, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng bổ trợ khác... nhằm phục vụ và đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công việc. Do đó, Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên, thuyền viên có tuổi đời bình quân trẻ, được đào tạo chính quy, bài bản về các lĩnh vực chuyên môn, có kiến thức về kinh tế thị trường tương đối toàn diện, có khả năng thích nghi nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại và mang tính hội nhập cao.

Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước. Công ty cũng luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và các điều kiện làm việc an toàn khác. Hàng năm, Công ty áp dụng chế độ khám, kiểm tra sức khỏe tổng quát định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên, xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp với từng vị trí và từng người. Năm 2018, thu nhập bình quân/lao động đạt hơn 17 triệu đồng/người/tháng tăng 86,53% so với năm 2017 (9,3 triệu đồng).

Chính sách nhân sự



Về đào tạo, tuyển dụng

Công ty có quy chế tuyển dụng, đào tạo chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên tùy theo yêu cầu công việc: Đối với công nhân trực tiếp, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ một phần hoặc toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.

Cảng Cam Ranh có đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, cơ bản, nhiều kinh nghiệm chuyên môn về cảng biển, nhanh nhạy trong cơ chế thị trường; đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật, đảm nhận được các chức danh cụ thể trong dây chuyền sản xuất, tạo năng suất cao để đáp ứng được khối lượng khai thác. Lao động của Cảng Cam Ranh đều thông qua đào tạo để đáp ứng công việc theo kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện. Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp giản đơn. Riêng lao động cần nâng cao tay nghề khi phát sinh quy trình công nghệ mới đều được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề trực tiếp tại các Cảng bạn có trang thiết bị kỹ thuật phù hợp, đây là chính sách nổi bật của Cảng Cam Ranh trong chiến lược quản lý phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

Môi trường công việc



Công ty tổ chức làm việc từ thứ Hai tới thứ Bảy, nghỉ ngày Chủ nhật. Do đặc điểm của hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển, người lao động làm việc tại bộ phận trực tiếp hiện trường và bộ phận kho hàng được chia làm 02 - 03 ca/ngày tùy theo khối lượng hàng qua cảng theo số lượng tàu cập cảng. Khối văn phòng và các bộ phận gián tiếp khác làm việc 08 tiếng/ngày.

Tất cả người lao động đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn; Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc bảo đảm cho điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty và kể cả lao động thuê ngoài. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

- Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định hiện hành.
- Hiện tại Công ty đang sử dụng hệ thống thang bảng lương chuyển đổi từ công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần theo nghị định 49/2013/NP-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật: tất cả người lao động của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm tai nạn theo quy định. Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, công ty sẽ thưởng cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách phù hợp trong nội dung Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động của Công ty ban hành nhằm đảm bảo sự ổn định của lực lượng lao động như: thưởng năng suất, thưởng định mức, đảm bảo ổn định có việc làm 100% trong năm, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.





03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

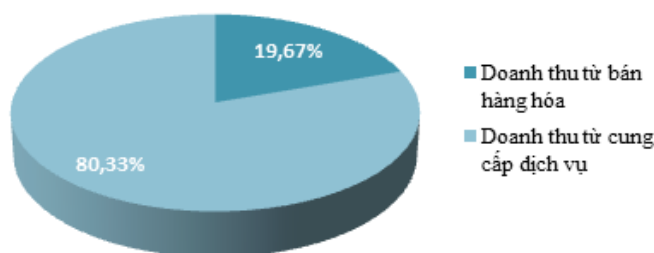
STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm so với 2017
1	Sản lượng hàng hóa thông qua cảng (tấn)	1.633.971	2.470.311	51,18%
2	Tổng doanh thu	124.808	161.604	29,48%
3	Doanh thu thuần	123.878	159.550	28,80%
4	Giá vốn hàng bán	90.246	105.643	17,06%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.632	53.907	60,28%
6	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	10.099	19.372	91,80%
7	Lợi nhuận trước thuế	10.223	19.522	90,95%
8	Lợi nhuận sau thuế	8.102	15.565	92,11%

Cơ cấu doanh thu thuần

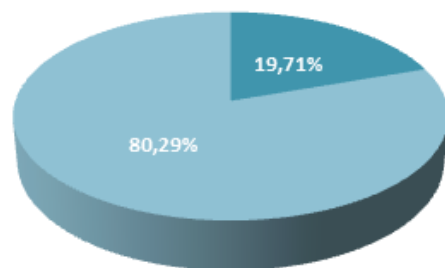
ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2017	Năm 2018	% Năm 2018/ Năm 2017
1	Doanh thu từ bán hàng hóa	24.361	29.424	120,78%
2	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	99.518	130.126	130,76%
Tổng cộng		123.878	159.550	128,80%

Doanh thu năm 2017



Doanh thu năm 2018



Trong năm vừa qua, với sự nỗ lực của Ban điều hành và đội ngũ lao động, Công ty đã có một kết quả kinh doanh đầy khả quan. Điều này còn cho thấy định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị trong công tác dự báo thị trường, sử dụng các nguồn lực hiệu quả. Tất cả nỗ lực của toàn thể nhân viên đã góp phần hoàn thành tốt kế hoạch do ĐHCĐ giao phó.



Năm 2018 đánh dấu một năm hoạt động kinh doanh thành công của CCR, các mặt hàng chủ yếu mà Công ty khai thác qua cảng năm qua gồm hàng dăm gỗ xuất khẩu với tổng sản lượng ổn định khoảng 55% lượng hàng qua cảng/năm; hàng đá, cát xây dựng vừa xuất khẩu và tiêu thụ nội địa với tổng sản lượng ổn định khoảng 25% lượng hàng qua cảng/năm. Cụ thể, doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ đạt 130 tỷ đồng, chiếm 81,56% doanh thu thuần, tăng trưởng 30,76% so với cùng kỳ năm 2017, là nguồn doanh thu chủ lực của Công ty. Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng hóa chủ yếu phát sinh từ mua bán xăng dầu cho các tàu qua cảng. Năm 2018, doanh thu của hàng xăng dầu đạt 29,4 tỷ đồng, chiếm 18,44% tổng doanh thu, tăng trưởng 20,78% năm trước, đã góp phần nâng mức tăng trưởng doanh thu thuần 2018 so với 2017 đạt 28,80%

Sản lượng hàng hóa qua cảng năm qua đạt 2.470.311 tấn, tăng trưởng 51,18% so với cùng kỳ. Đây cũng là mức cao nhất trong vòng 03 năm liền trước, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 22,96% (giai đoạn 2017-2018).

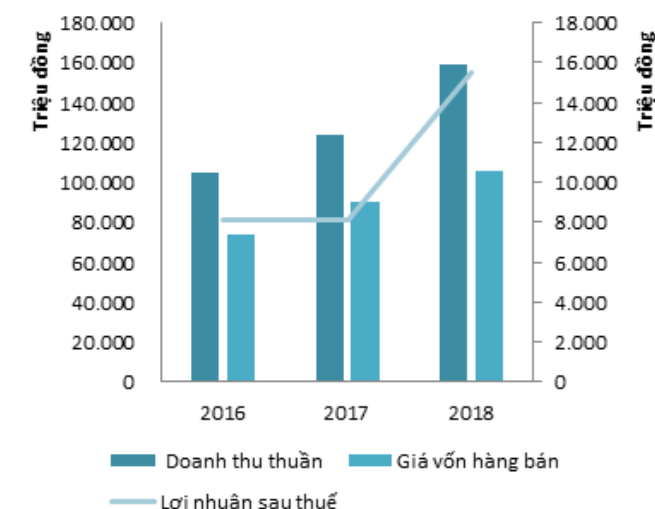


Chỉ tiêu doanh thu thuần trong giai đoạn 2017 – 2018 đạt 159,55 tỷ đồng, tăng trưởng 28,80% so với cùng kỳ, mức cao nhất trong vòng 03 năm trở lại đây. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 15,10% (giai đoạn 2016–2018). Giá vốn hàng bán đạt hơn 105 tỷ đồng, chiếm 66,21% trong doanh thu thuần. Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần năm nay tăng từ 6,54% lên 9,76%, đưa mức lợi nhuận trở lại sau một năm sụt giảm. Nguyên nhân là do giá vốn tăng nhưng không tăng nhanh bằng tốc độ tăng trưởng doanh thu trong năm 2018 của Công ty tăng cao nhất trong vòng ba năm qua, đạt 33,79%.



Các chi phí cho các dự án dở dang được tài trợ bằng các khoản vay trung và dài hạn đã được tính toán từ trước nên trong ngắn hạn Công ty vẫn sử dụng vốn lưu động ở mức vừa phải. Với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 hiệu quả, dòng tiền về dồi dào nên lượng tiền gửi vào khoản tiền gửi ngắn hạn tăng cao. Điều này làm tăng khoản lãi tiền gửi đóng góp vào doanh thu tài chính trong năm. Vì vậy, năm qua hoạt động tài chính có mức tăng vượt bậc từ thu nhập từ tiền gửi giúp nâng cao doanh thu từ hoạt động này lên 134,81%, tăng gần 980 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm



Nguyên nhân và các yếu tố tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh

Nhìn chung, năm 2018 là một năm thành công với Công ty, khi các kết quả đạt được đều tăng trưởng. Lợi nhuận sau thuế tăng vượt bậc ở mức 92,11% so với năm 2017, xuất phát từ tình hình thị trường khác biệt ngoài dự kiến, tạo sự đột biến tăng trưởng sản lượng vượt cả sự kỳ vọng. Lợi nhuận gộp tăng do đó biên lợi nhuận của Công ty mở rộng. Điều này xuất phát từ các lí do sau:

Nguyên nhân chủ quan:

- Thực hiện công tác thị trường: mặc dù đã xuất hiện gặp sự cạnh tranh giữa các cảng trong khu vực, nhưng Cảng Cam Ranh đã chủ động trong việc nhận định, nắm bắt tình hình, xây dựng và thực hiện quyết liệt các giải pháp về thị trường để thu hút hàng hóa, xây dựng cơ chế giá linh hoạt để tạo điều kiện cho khách hàng giảm chi phí để xuất khẩu cạnh tranh với các cảng bạn trong khu vực.
- Việc đẩy mạnh công tác thị trường, tìm kiếm khách hàng và tích cực hỗ trợ, chăm sóc khách hàng trong các năm qua đã giúp cho hoạt động xuất đá, cát xây dựng qua cảng bước đầu có hiệu quả trong năm 2018.
- Thực hiện các giải pháp về công nghệ xếp dỡ, chính sách về quản lý chi phí... đã góp phần cho kết quả kinh doanh trong năm 2018 đạt sự tăng trưởng cao.

Nguyên nhân khách quan:

- Chính sách giá điện (áp dụng giá ưu đãi trước tháng 09/2019) và giải ngân của các dự án phong điện, nhiệt điện thuận lợi, do vậy các chủ đầu tư các dự án nhiệt điện, phong điện các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận đẩy nhanh tiến độ thực hiện (dự kiến chỉ có 1-2 dự án theo kế hoạch, nhưng tính đến cuối năm đã thực hiện cho 4 dự án). Nhu cầu nhập các thiết bị phục vụ cho các dự án này tăng đột biến nên lượng hàng này được các chủ đầu tư nhập về thông qua Cảng Cam Ranh tăng cao. Mặt hàng này tuy khối lượng xếp dỡ không lớn, nhưng có doanh thu và tỷ suất lợi nhuận trên đơn vị rất cao, đem lại kết quả lợi nhuận tăng đột biến cho Cảng Cam Ranh (lợi nhuận từ các khâu xếp dỡ, lưu kho bãi phục vụ cho mặt hàng thiết bị chiếm khoảng 40% lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm 2018).
- Mặt hàng đá xây dựng xuất khẩu tăng mạnh so với dự kiến kế hoạch đầu năm: từ cuối quý 2/2018, các chủ hàng đá xây dựng đã kết nối được các giao dịch xuất khẩu nên sản lượng ban đầu tăng lên so với trước.
- Mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu qua cảng tăng cao so với trung bình các năm: trong năm 2018, cũng với lượng khách hàng dăm gỗ như cũ, nhưng lượng hàng và tần suất xuất hàng tăng (26 tàu so với trung bình 14 tàu các năm). Nguyên nhân: thời tiết bão lũ cuối năm 2017 gây ảnh hưởng gây đổ, hư hỏng phần lớn diện tích vùng nguyên liệu rừng trồng của dăm gỗ Nam trung bộ, các chủ hàng phải khai thác, thu mua số lượng lớn vì vậy lượng xuất hàng dăm gỗ tăng đột biến. Mặt khác, Cảng Quy Nhơn bị ảnh hưởng bão làm cho một số tàu bị chìm nên luồng vào cảng khó khăn, dẫn đến một số khách hàng dăm gỗ tại Quy Nhơn phải đưa tàu vào Cảng Cam Ranh để lấy hàng.
- Các mặt hàng khác trong lượng hàng thường xuyên qua cảng vẫn giữ mức ổn định so với trung bình các năm.

Các giải pháp đã thực hiện để hoàn thành/vượt kế hoạch/khắc phục/thúc đẩy hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh



Tập trung toàn lực phục vụ cho công tác sản xuất, khai thác hiệu quả cầu bến, tăng năng suất lao động, gia cố sửa chữa hệ thống kho bãi để đảm bảo tính chủ động, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu tăng đột biến của hàng thiết bị về cảng.



Phối hợp với Cảng vụ hàng hải, Hải quan, Biên phòng thực hiện nhanh gọn các thủ tục, tạo thuận lợi cho chủ tàu, chủ hàng khi có nhu cầu xuất, nhập hàng hóa qua cảng.



Tập trung thực hiện tốt công tác kiểm soát doanh thu, chi phí cả năm 2018: tăng cường công tác giám sát tài chính, kiểm soát, quản lý chi phí, rà soát và cắt giảm các chi phí không hợp lý; tiết kiệm trong đầu tư, đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch đã đề ra.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

STT	Dự án/công trình	Quy mô/khối lượng Dự án	Thời gian khởi công, hoàn thành	Giá trị đầu tư (Tr.đồng)	
				Tổng mức phê duyệt đầu tư	Giá trị hoàn thành/đã giải ngân
DA hoàn thành trong năm 2018				14.646	11.290,5
I	Đầu tư XD CB			14.099	10.786,5
1	Bãi phía đông thuộc dự án Bến số 2 (hạng mục: Bãi số 3-KBIII)	2,24 ha	10/2017 02/2018	8.779	7.221,3
2	Nâng cấp đường trục T1 (giai đoạn 1)	30m C4	01/2018 02/2018	480	376,3
3	Dự án Bãi chứa hàng tổng hợp và thiết bị (Bê tông Bãi số 1-KBIII)	8.000 m ²	05/2018 06/2018	3.626	2.236,3
4	Đường ống cấp nước cầu cảng	900m Ø110	09/2018 12/2018	1.214	952,6
II	Đầu tư mua sắm thiết bị			547	504
1	Mua lại trạm cân 120 tấn		02/2018 03/2018	279	279
2	Mua sắm mới 03 trụ bơm xăng dầu - Nâng cấp cửa hàng xăng dầu		06/2018 07/2018	268	225

Các hạng mục đầu tư tuân thủ đúng theo quy hoạch chi tiết Cảng Cam Ranh và theo kế hoạch hàng năm đã được Tổng công ty phê duyệt. Các dự án khi đưa vào hoạt động đều phát huy được hiệu quả và mục tiêu đầu tư.

Các dự án trên đều thông qua đấu thầu theo quy định. Kết quả thực hiện tiết kiệm đáng kể so với kế hoạch được phê duyệt.



HẠ TẦNG, PHƯƠNG TIỆN VÀ NĂNG LỰC XÉP DỠ

- 01 cầu cố định 40T.
- 01 cầu di động 100T.
- 09 cầu bờ từ 30T – 50T
- Phễu, ngoam hàng rời
- 60 xe ủi, xe nâng, xe xúc và xe ô tô các loại
- Hệ thống băng tải làm hàng rời và dăm gỗ
- 02 tàu lai dắt công suất 1000HP-1500HP.
- 01 cần điện từ 120T.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khoản phải thu

Các khoản phải thu năm 2018 tăng 14,85% so với năm trước, trong đó khoản phải thu ngắn hạn có mức tăng 15,19% đạt 15 tỷ đồng. Khoản phải thu khách hàng của Công ty năm 2018 ghi nhận phần tăng đột biến đến từ việc vận chuyển đảm bảo cho khách hàng Công ty CP Tiếp vận Khánh Hưng và vận chuyển đá với Công ty TNHH Đá Hóa An 1.



Khoản trả trước người bán chủ yếu là các đối tác cung cấp máy móc, thiết bị và tư vấn xây dựng cho các hạng mục công trình cho Công ty. Ban lãnh đạo luôn theo sát các khoản phải thu nhằm kiểm soát dòng tiền hoạt động một cách hiệu quả, không để bị “giam vốn”, vòng quay khoản phải thu năm 2018 đạt 11,06 vòng tương đương dòng tiền thu về xấp xỉ 33 ngày, với chính sách trả chậm duy trì hiệu quả vừa khai thác được hiệu quả của dòng tiền, vừa duy trì một chính sách trả chậm hợp lý với đối tác, tạo dựng mối quan hệ lâu dài.

DVT: Triệu đồng

STT	Các khoản phải thu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm 2018/2017
I	Phải thu ngắn hạn	13.401	15.438	15,19%
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	9.116	13.149	44,24%
2	Trả trước cho người bán	1.609	2.483	54,32%
3	Các khoản phải thu khác	3.500	783	(77,63%)
4	Dự phòng khó đòi	(824)	(977)	18,62%
II	Phải thu dài hạn	985	1.085	10,15%
1	Phải thu dài hạn khác	985	1.085	10,15%
	Tổng cộng	14.386	16.523	14,85%



Khoản phải trả

Các khoản phải trả ngắn hạn tăng cao hơn 92% từ 15 tỷ đồng lên hơn 29 tỷ đồng. Trong đó, khoản phải trả người lao động tăng 188,24% là khoản tăng cao nhất. Khoản phải trả dài hạn giảm 10 tỷ đồng do chính sách rà soát khoản nợ vay tín dụng, cân đối với dòng tiền để thực hiện cơ cấu lại nợ theo hướng kéo dài thời hạn trả nợ, giãn nợ gốc, miễn giảm lãi vay. Trong năm qua, Công ty vẫn tiếp tục trả khoản nợ vay từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nha Trang từ năm 2015. Trong đó, nợ vay dài hạn vẫn chiếm chủ yếu để tài trợ dự án xây dựng Bến số 2 – Cảng Cam Ranh. Nợ dài hạn giảm dần hằng năm do CCR thanh toán nợ gốc vay theo quy định của hợp đồng tín dụng. Có thể thấy, Công ty vẫn ổn định trả nợ hằng năm, duy trì uy tín của mình đối với các chủ nợ. Sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý để giúp hoàn thiện và phát triển hoạt động kinh doanh tốt nhất.

STT	Các khoản phải trả	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
I	Phải trả ngắn hạn	15.171	29.261	92,87%
1	Phải trả người bán	699	1.119	60,11%
2	Người mua trả tiền trước	525	648	23,51%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.709	2.513	47,04%
4	Phải trả người lao động	4.377	12.615	188,24%
5	Chi phí phải trả	40	75	87,50%
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	681	2.408	253,66%
7	Phải trả khác	34	79	132,56%
9	Vay và nợ thuê tài chính	6.000	6.000	-
10	Dự phòng phải trả	-	3.100	-
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.107	703	(36,46%)
II	Phải trả dài hạn	92.388	82.197	(11,03%)
1	Phải trả dài hạn khác	3.325	-	(100,00%)
2	Vay và nợ dài hạn	86.000	72.000	(16,28%)
3	Doanh thu chưa thực hiện	3.064	10.197	232,84%
	Tổng cộng	107.559	111.458	3,62%



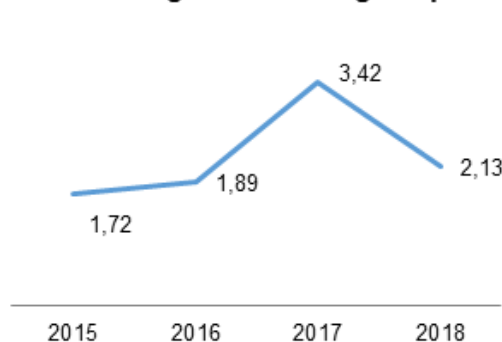
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,42	2,13
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,37	2,09
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	29,31	29,45
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	41,46	41,75
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	124,30	115,70
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,33	0,43
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,54	9,76
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	3,13	5,91
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,15	4,18
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,15	12,14

VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm 2018 có xu hướng giảm khá mạnh. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 3,42 lần còn 2,13 lần; hệ số thanh toán nhanh từ 3,37 lần giảm còn 2,09 lần, do tài sản tăng không bằng tốc độ tăng của nợ ngắn hạn. Nguyên nhân chính khiến nợ ngắn hạn tăng 92,87% do thu nhập người lao động tăng vượt mức 188,24%. Do kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 vượt kế hoạch đặt ra cho nên Công ty quyết định thưởng vượt mức theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 nên lương cho nhân công được tăng lên đáng kể.

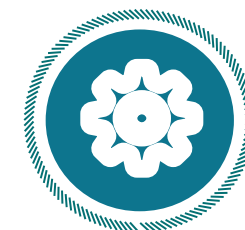
Khả năng thanh toán ngắn hạn



Khả năng thanh toán nhanh

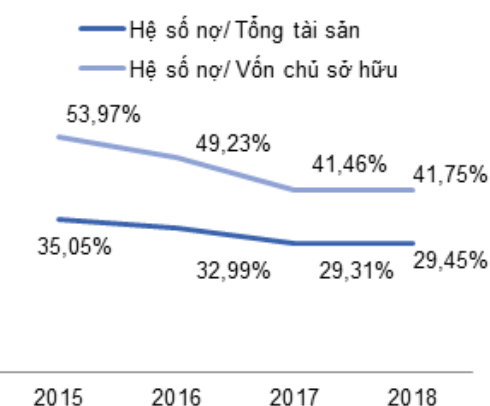


VỀ CƠ CẤU VỐN



Hai chỉ tiêu cơ cấu vốn năm 2018 đạt tương đương so với năm 2017. Nợ phải trả của Công ty có xu hướng tăng, mặc dù nợ dài hạn giảm nhưng nợ ngắn hạn lại tăng cao. Bên cạnh đó, mức tăng trưởng tài sản và vốn chủ sở hữu cũng tăng tương đối so với cùng kỳ năm 2017. Vì vậy, hai chỉ tiêu nợ được duy trì tỷ lệ phù hợp, đảm bảo khả năng thanh toán. Vì vậy, có thể nói Công ty đang sử dụng đòn bẩy một cách hợp lý để tài trợ cho hoạt động kinh doanh một cách tối ưu, đảm bảo tỷ lệ nợ không quá cao, rủi ro tín dụng thấp. Công ty vẫn luôn theo dõi tình hình lãi suất, có các chính sách phù hợp với diễn biến thị trường.

Cơ cấu vốn



VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



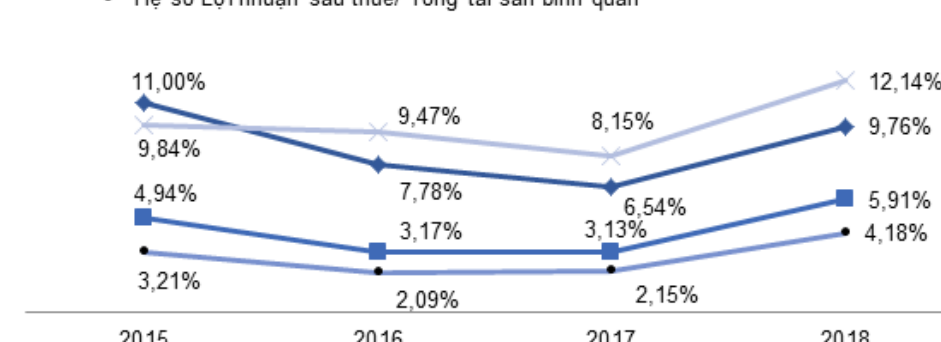
Chỉ tiêu đánh giá năng lực hoạt động về hàng tồn kho của CCR không mang quá nhiều ý nghĩa do ngành dịch vụ cảng biển có đặc trưng về tài sản lớn hơn rất nhiều so với doanh thu. Đối với hàng tồn kho của CCR cũng chiếm tỷ trọng khá thấp, chủ yếu gồm thiết bị, phụ tùng phục vụ cho việc sửa chữa, bảo trì và vệ sinh phương tiện vận tải, bến bãi, tổng cộng khoảng 1,1 tỷ đồng năm 2018. Bên cạnh đó, trong năm 2018, doanh thu và tài sản của CCR không biến động quá nhiều nên hệ số vòng quay tài sản chỉ tăng nhẹ so với năm trước, từ 0,33 vòng lên 0,43 vòng. Điều này cho thấy Công ty vẫn đang duy trì tốt việc sử dụng tài sản trong hoạt động sản xuất của mình, đem đến những kết quả khả quan trong năm.

VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2018 của CCR đã tăng mạnh so với năm trước do Công ty lợi nhuận tăng đột biến từ 8,2 tỷ lên 15,6 tỷ, tương đương tăng 92,11% so với mức lợi nhuận năm 2017. Mặc dù các hệ số còn khá nhỏ, tuy nhiên đây vẫn là mức tăng vượt bậc, thể hiện việc tái cơ cấu và hoạt động sản xuất kinh doanh dần có hiệu quả. Đây chính là động lực để CCR phát triển hơn trong năm 2019.

— Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần
— Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân
— Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 24.501.817 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.453.617 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 48.200 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2018)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	24.453.617	244.536.170.000	99,80%
1	Cổ đông Nhà nước	19.823.015	198.230.150.000	80,90%
2	Cá nhân	1.133.500	11.335.000.000	4,63%
3	Tổ chức	3.497.102	34.971.020.000	14,27%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	48.200	482.000.000	0,20%
	Tổng cộng	24.501.817	245.018.170.000	100,00%

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Ngày 07/09/2018, mua lại 19.800 cổ phần của 09 cổ đông là người lao động trong Công ty nghỉ việc trước thời hạn cam kết để làm cổ phiếu quỹ.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018, Công ty không thực hiện các hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Các chứng khoán khác: Không có.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG



Về Cơ sở pháp lý:

Cảng Cam Ranh đã thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường như :

- Lập Đề án bảo vệ môi trường Cảng Cam Ranh được Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 164/QĐ-STN-MT-CCBVMT ngày 10/8/2009.
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Bến số 2 – Cảng Ba Ngòi được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại quyết định số 2645/QĐ-UBND ngày 15/10/2009.
- Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1834/QĐ – UBND ngày 08/7/2011.
- Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết của Kho bãi phía tây Cảng Cam Ranh được UBND Tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 19/10/2016.
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Kho, bãi và xưởng chế biến dăm gỗ – Cảng Cam Ranh được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 28/05/2018.
- Xây dựng và vận hành Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.





Về thực hiện công tác kiểm soát và bảo vệ môi trường:

Căn cứ các yêu cầu về bảo vệ và kiểm soát môi trường từ các Đề án bảo vệ môi trường, Đánh giá tác động môi trường (ĐTM), Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD)... Cảng Cam Ranh thực hiện như sau:



- Hàng năm, Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng về phân tích mẫu môi trường như Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Khánh Hoà, Trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng Khánh Hoà để lấy mẫu và phân tích các yếu tố môi trường. Sau khi có kết quả phân tích, Công ty lập báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Cảnh sát Môi trường theo định kỳ, năm.
- Tổ chức diễn tập Ứng phó sự cố tràn dầu tại cơ sở dưới sự chứng kiến của Đại diện Cảng vụ Hàng hải Nha Trang tại Cam Ranh hoặc cử cán bộ tham gia tập huấn về do các đơn vị chức năng trên địa bàn tổ chức.
- Tổ chức công tác diễn tập PCCC với sự tham gia của Đội CC&CNCH Khu vực 2 Công an tỉnh Khánh Hoà.
- Thực hiện đánh giá giám sát định kỳ và duy trì Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015
- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa kỹ thuật định kỳ, kiểm định hàng năm đối với các phương tiện thiết bị sản xuất như xe cẩu, tàu kéo, dụng cụ xếp dỡ.... tại các cơ sở dịch vụ, nhà máy đóng tàu Nha Trang để đảm bảo an toàn cho thiết bị trong quá trình sản xuất và giảm thiểu tiêu hao năng lượng.
- Duy trì công tác kiểm tra che phủ bạt trên các phương tiện vận tải hoạt động trong khu vực cảng để đảm bảo an toàn giao thông, hạn chế thấp nhất vấn đề rơi vãi hàng hoá gây ô nhiễm môi trường.



- Tiếp tục ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình đô thị Cam Ranh để thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt hàng ngày và thu gom hàng hoá rơi vãi về bãi rác tập trung của thành phố Cam Ranh.
- Chất thải rắn nguy hại: Thực hiện thu gom, lưu chứa trong kho chất thải nguy hại tạm thời của Công ty và đã chuyển giao cho Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam xử lý theo hợp đồng đã được ký kết vào ngày 21/12/2018.
- Nâng cấp hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng đường nội bộ, chiếu sáng cầu cảng, kho bãi và thay thế dần các thiết bị đèn chiếu sáng cao áp bằng đèn Led để giảm độ nóng gây hiệu ứng nhà kính và tiết kiệm điện.
- Đẩy mạnh phong trào “Phát huy sáng kiến – cải tiến kỹ thuật, công nghệ”, đưa ứng dụng khoa học công nghệ vào quy trình xếp dỡ và luôn cải tiến để phù hợp hơn với thực tiễn sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất, đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động và vệ sinh môi trường.
- Xây dựng Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thuộc “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày môi trường thế giới 05/06/2018, mục tiêu kêu gọi cộng đồng cùng nhau thay đổi thói quen tiêu dùng và thải bỏ chất thải nhựa với khẩu hiệu “Giải quyết ô nhiễm nhựa và ni-lon”.
- Duy trì tổ chức dọn vệ sinh khu vực cơ quan làm việc vào sáng thứ bảy hàng tuần. Thường xuyên tổ chức dọn vệ sinh, phát quang khu vực văn phòng làm việc, kho bãi, trục đường nội bộ của Cảng.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với vị thế là một doanh nghiệp hoạt động lâu dài trên địa bàn, chính sách của Công ty là luôn tuyển dụng lao động tại địa phương, qua đó cung cấp cơ hội việc làm cho cộng đồng tại địa bàn mà Công ty đang hoạt động.

Công ty khuyến khích sử dụng các nhà cung cấp địa phương, đặc biệt là cung ứng các dịch vụ xếp dỡ bằng nhân công hoặc thiết bị máy móc, dịch vụ vận chuyển. Tổng chi phí dịch vụ thuê ngoài đang sử dụng của Công ty hầu hết từ nguồn cung cấp tại địa phương. Công ty là một trong những doanh nghiệp có sự cam kết và liên tục thực hiện các hoạt động đóng góp cho chương trình nhân đạo, xã hội từ thiện, xóa đói giảm nghèo của địa phương.

Những hoạt động cụ thể trong năm 2018:

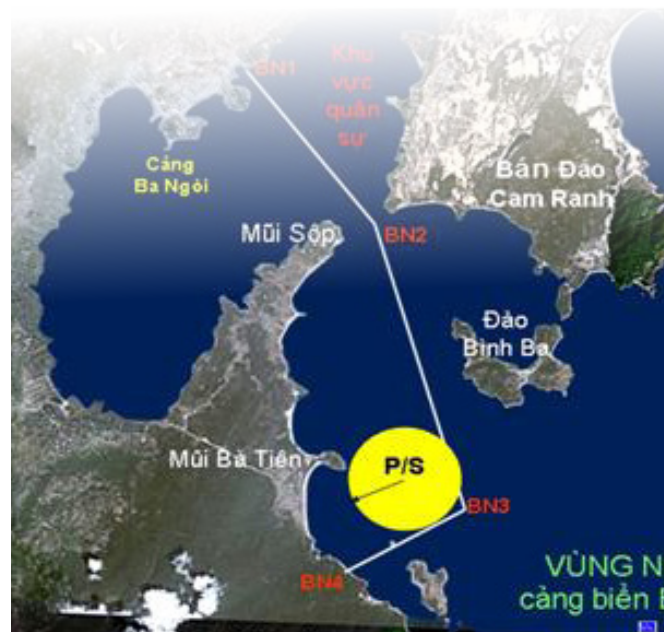
- Tiếp tục nhận đỡ đầu cho 07 cháu có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thuộc Phường Cam Linh, TP.Cam Ranh, mỗi năm 12.600.000 đồng; Tặng 05 bộ máy tính cho các cháu có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thuộc Phường Cam Linh, TP.Cam Ranh;
- Thực hiện chương trình 30a của Chính phủ, nhân dịp tết nguyên đán, Cảng Cam Ranh đã hỗ trợ, giúp đỡ nhân dân nghèo xã Cam Thịnh Tây TP Cam Ranh: 30 suất quà tặng;
- Hỗ trợ cho Liên đoàn Lao động TP Cam Ranh chăm lo cho CNVLD khó khăn 10 suất quà tặng;
- Hỗ trợ quà tết cho hội người mù;
- Hỗ trợ quỹ người nghèo tại địa phương;
- Hỗ trợ nạn nhân nhiễm chất độc DIOXIN của Thành phố Cam Ranh.



04 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến trong năm
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2018



KHÓ KHĂN:

- Tiềm năng khai thác so với thị trường: gần như tiệm cận đến mức bão hòa, khó có khả năng tăng trưởng đột biến, do thị trường và vùng hấp dẫn của cảng (địa bàn tỉnh Khánh Hòa và quanh khu vực Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên) hạ tầng kinh tế công nghiệp chưa phát triển, ít nguồn hàng cung ứng xuất nhập qua cảng biển, chưa có tuyến container.
- Nguồn lực tài chính của công ty hạn chế nên công ty chỉ đầu tư các dự án khi có nhu cầu từ khách hàng, chưa thể có khả năng đầu tư đón đầu. Các dự án đầu tư kho bãi thực hiện nhỏ lẻ nên suất đầu tư cao hơn khi thực hiện đầu tư đồng bộ.
- Nguồn vốn đầu tư của công ty đa số là dùng vào các dự án đầu tư kho bãi, cầu bến, hạ tầng kỹ thuật, công cụ dụng cụ; chưa đầu tư vào phương tiện xếp dỡ tại cầu cảng và tại bãi.

THUẬN LỢI

- Cảng Cam Ranh, tiền thân là Cảng Ba Ngòi, là cảng thương mại quốc tế nằm trong vịnh Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hòa, nơi hội tụ những điều kiện tự nhiên hết sức thuận lợi cho phát triển dịch vụ cảng biển như mực nước sâu, kín gió, diện tích lớn, nằm gần đường hàng hải quốc tế và sân bay Cam Ranh, cách quốc lộ 1A 1,5 km và tuyến đường sắt Bắc - Nam 3 km nên từ lâu cảng đã là đầu mối giao thông đường biển quan trọng cho khu vực Nam Khánh Hòa và các tỉnh lân cận.
- Hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa đã và đang được đầu tư nâng cấp kết nối với Cảng và các khu công nghiệp, trung tâm sản xuất trong vùng.
- Cảng Cam Ranh là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác cảng và đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác lâu dài với các tổ chức tín dụng, khách hàng truyền thống, các cơ quan quản lý.
- Chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện của đất nước trong thời gian tới sẽ mang đến cho Công ty các cơ hội hợp tác và phát triển thị trường cũng như thực hiện liên doanh, liên kết với các Cảng trong khu vực, tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị bốc xếp.



“KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH”

Qua một năm nỗ lực phấn đấu của Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự đóng góp của tập thể CBCVN, người lao động đã giúp CCR vượt qua những khó khăn, thách thức; vừa tập trung bảo đảm ổn định sản xuất kinh doanh, vừa tiến hành điều chỉnh và khắc phục dần những hạn chế tồn tại cho phù hợp với mô hình quản trị mới mà mục tiêu đề ra. Mặc dù CCR đạt được kết quả tốt trong năm, nhưng điều quan trọng hơn là Công ty đã xác định được hướng đi đúng và những giải pháp cần phải tiếp tục thay đổi, điều chỉnh, vận hành ngày càng nâng cao hơn để thích nghi với môi trường kinh doanh và phù hợp với điều kiện thực tế của cảng. Từ đó, tạo nền tảng vững chắc cho việc chuẩn bị các nguồn lực để thực hiện và hoàn thành các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 và những năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh qua nhiều năm hình thành và phát triển đã tạo dựng được tên tuổi trong ngành khai thác cảng, các khách hàng truyền thống của Công ty bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp đa dạng trong nước và nước ngoài.

Năm 2018, Công ty đã gặp những khó khăn như trên đã phân tích. Tuy nhiên, Công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch, đồng thời, các chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng cao, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2018	TH năm 2018	% TH/KH 2018
1	Sản lượng	Tấn	1.852.000	2.470.311	33,39%
2	Doanh thu	Tr.đồng	139.000	159.550	14,78%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.000	19.522	77,47%
4	EBITDA	Tr.đồng	33.480	42.446	26,78%

DOANH THU

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	% tăng/ giảm so với 2017	% tăng/ giảm so với KH 2018
TỔNG DOANH THU	124.956	139.000	161.604	29,33%	16,26%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.878	137.800	159.550	28,80%	15,78%
Doanh thu hoạt động tài chính	723	1.000	1.699	134,99%	69,90%
Thu nhập khác	355	200	355	-	77,50%

Nhìn chung, năm 2018 đánh dấu một năm hoạt động hiệu quả của CCR, tổng doanh thu đạt 161,6 tỷ đồng, vượt 25,8% kế hoạch, tăng trưởng 29,33% so với cùng kỳ. Doanh thu chính đến từ mảng kinh doanh dịch vụ cảng của Công ty, cho thấy Ban lãnh đạo vẫn đi đúng hướng, tập trung vào ngành, nghề chuyên môn và phát triển hơn nữa cả theo chiều sâu và chiều rộng. Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh đạt gần 1,7 tỷ đồng, tăng trưởng 134,99% so với cùng kỳ, chủ yếu được đóng góp từ khoản tăng lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia từ công ty con. CCR không chỉ đạt chỉ tiêu đã đề ra, mà còn xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ với kết quả cao.



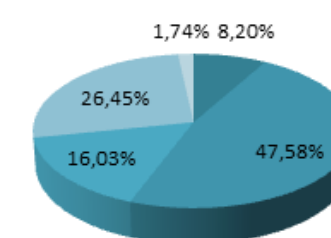
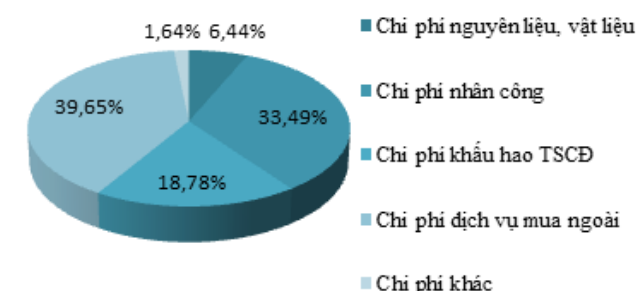
CHI PHÍ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018	% tăng/giảm so với 2017
TỔNG CHI PHÍ	83.604	106.925	27,89%
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.381	8.763	62,85%
Chi phí nhân công	27.997	50.877	81,85%
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.701	17.142	9,18%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.152	28.282	-14,69%
Chi phí khác	1.373	1.862	35,62%

Năm 2017

Năm 2018



Tổng chi phí năm 2018 tăng 27,89% so với cùng kỳ năm 2017, đạt mức 106 tỷ đồng. Trong đó, chi phí nhân công chiếm tỷ trọng 47,85% cao nhất so với các chi phí còn lại. Chi phí nhân công năm 2018 tăng 81,85% so với cùng kỳ 2017. Việc tăng cao này là do thưởng kết quả vượt mức kế hoạch đặt ra cho các cán bộ nhân viên, người lao động, và đảm bảo tuân thủ thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành ngày 01/ 09/2016. Đây cũng là một hoạt động khuyến khích tinh thần làm việc, tạo động lực đóng góp công sức vào hoạt động chung của người lao động và gắn bó với Công ty hơn. Các chi phí dịch vụ mua ngoài có giá trị lớn (khoảng 28 tỷ đồng) như thuê đội ngũ sửa chữa định kỳ các máy móc thiết bị, tư vấn xây dựng các công trình cầu cảng,... chiếm tỷ trọng khoảng 26,45% trong năm 2018; chi phí này giảm 14,69% so với năm 2017. Tiếp theo đó là chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty, chiếm 15,03% trong tổng chi phí năm nay, vì CCR sở hữu nhiều máy móc, thiết bị để đáp ứng nhu cầu sản xuất nên chi phí này cũng chiếm một tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty hằng năm. Còn lại khoản chi phí nguyên vật liệu chiếm trên 6% trong cơ cấu chi phí và các chi phí khác khoản 2% không đáng kể.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

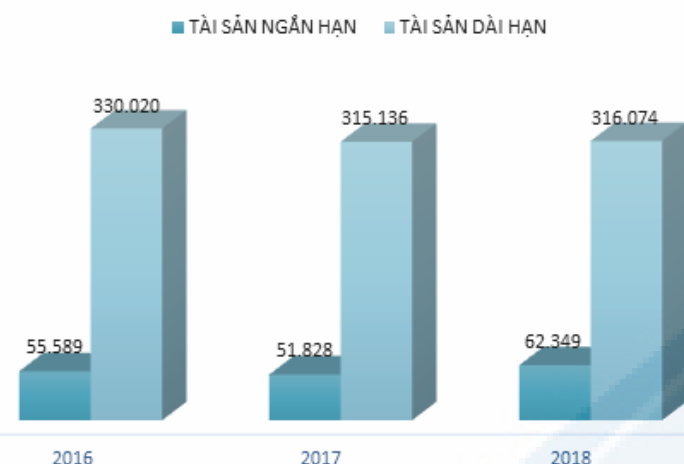
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng, giảm	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	51.828	62.349	20,30%	14,12%	16,48%
Tài sản dài hạn	315.136	316.074	0,30%	85,88%	83,52%
Tổng tài sản	366.964	378.424	3,12%	100,00%	100,00%

Tài sản ngắn hạn đạt 62 tỷ đồng tăng 20,3% so với cùng kỳ năm 2017. Trong năm 2018, tổng tài sản của Công ty đạt hơn 378 tỷ đồng, tăng 3,12% so với năm 2017.

Năm 2018 đánh dấu một năm hoạt động hiệu quả, doanh thu tăng dẫn đến dòng tiền về tăng, do nhu cầu vốn lưu động trong năm không tăng đột biến nên Công ty chủ trương gửi khoản tiền thu về vào tiền gửi ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng làm cho khoản mục này tăng 48,89% so với cùng kỳ. Tài sản dài hạn của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản, là đặc thù của ngành các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cảng. Do đó, Công ty luôn duy trì một tỷ lệ tài sản dài hạn cao nhất định và ít có biến động qua các năm. Tài sản chủ yếu bao gồm các phương tiện xếp dỡ, tàu biển, máy móc thiết bị có giá trị lớn. Tình hình tài sản cố định của Công ty như sau:

Tài sản chủ yếu bao gồm các phương tiện xếp dỡ, tàu biển, máy móc thiết bị có giá trị lớn. Tình hình tài sản cố định của Công ty như sau:



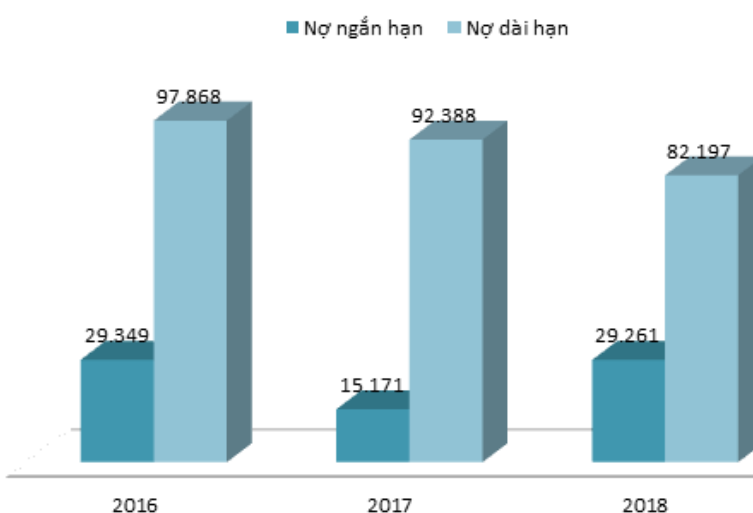
ĐVT: Đồng

TSCĐ hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	455.234.655.871	289.372.088.193	63,57%
Máy móc thiết bị	33.139.730.684	15.901.436.458	47,98%
Phương tiện vận tải	17.043.466.952	5.965.551.728	35,00%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.169.201.214	243.816.209	20,85%
Cộng	506.587.054.721	311.482.892.588	61,49%

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng, giảm	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	15.171	29.261	92,87%	14,10%	26,25%
Nợ dài hạn	92.388	82.197	-11,03%	85,90%	73,75%
Tổng nợ phải trả	107.559	111.458	3,62%	100,00%	100,00%



Tổng nợ năm 2018 tăng nhẹ so với năm 2017, từ 107 tỷ lên 111 tỷ đồng. Khoản nợ ngắn hạn tăng mạnh hơn 92% từ 15 tỷ lên 29 tỷ đồng, chủ yếu là do khoản tăng từ chi phí lương cho cán bộ, công nhân viên. Tuy nhiên, tỷ trọng nợ ngắn hạn trong cơ cấu tổng nợ của Công ty không cao, chỉ chiếm khoảng 26%, mặt khác khoản nợ dài hạn chỉ giảm khoảng 11% từ 92 tỷ về còn 82 tỷ, nhưng lại là khoản giảm đáng kể về giá trị, góp phần kéo tổng nợ không tăng quá cao. Khoản giảm trong nợ dài hạn này đến từ khoản thanh toán nợ gốc cho ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang. Khoản nợ được vay để tài trợ đầu tư dự án xây dựng Bến số 2 – Cảng Cam Ranh tại phường Cam Linh, hạn mức vay là 100 tỷ đồng. Thời hạn vay là 12 năm, kỳ thanh toán cuối cùng vào năm 2027.

Công ty có kế hoạch chủ động sắp xếp dòng tiền chi trả cho khoản vay này theo từng kỳ và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đúng hạn. Đến thời điểm này, Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

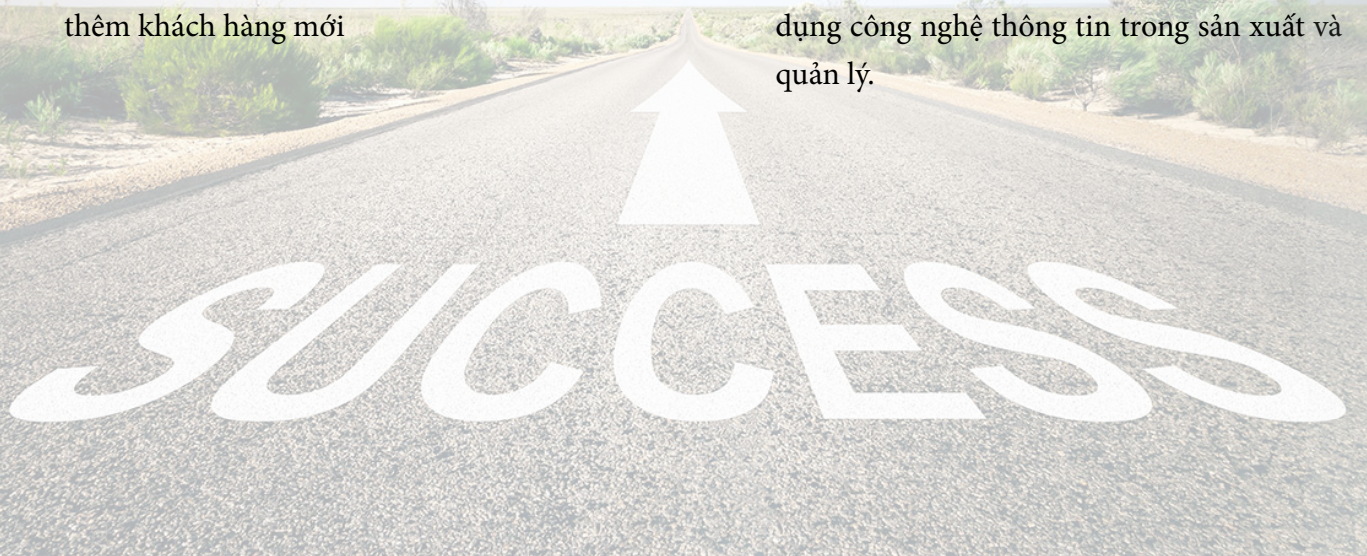
- Tập trung toàn lực phục vụ cho công tác sản xuất, khai thác hiệu quả cầu bến, tăng năng suất lao động, gia cố sửa chữa hệ thống kho bãi để đảm bảo tính chủ động, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu tăng đột biến của hàng thiết bị về cảng.
- Phối hợp với Cảng vụ hàng hải, Hải quan, Biên phòng thực hiện nhanh gọn các thủ tục, tạo thuận lợi cho chủ tàu, chủ hàng khi có nhu cầu xuất, nhập hàng hóa qua cảng.
- Tập trung thực hiện tốt công tác kiểm soát doanh thu, chi phí cả năm 2018: tăng cường công tác giám sát tài chính, kiểm soát, quản lý chi phí, rà soát và cắt giảm các chi phí không hợp lý; tiết kiệm trong đầu tư, đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch đã đề ra.
- Các hạng mục đầu tư tuân thủ đúng theo quy hoạch chi tiết Cảng Cam Ranh và theo kế hoạch hàng năm đã được Tổng công ty phê duyệt. Các dự án khi đưa vào hoạt động đều phát huy được hiệu quả và mục tiêu đầu tư.
- Các dự án trên đều thông qua đấu thầu theo quy định. Kết quả thực hiện tiết kiệm đáng kể so với kế hoạch được phê duyệt.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Với mục tiêu

- Giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có, tránh rơi vào tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh, thu hẹp thị phần.
- Đẩy mạnh công tác thị trường nhằm thu hút thêm khách hàng mới
- Tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận, tiết giảm chi phí hướng đến mục tiêu chung là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của Cảng.
- Cải thiện năng suất lao động, đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và quản lý.



Kế hoạch kinh doanh năm 2019

(Số liệu hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2018	KH Năm 2019	So sánh
1	Sản lượng	Tấn	2.470.311	2.503.800	101,36%
2	Doanh thu	Tr.đồng	159.550	152.250	95,42%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	19.522	20.000	102,45%
4	EBITDA	Tr.đồng	42.446	44.200	104,13%

Kế hoạch tài chính năm 2019

Kế hoạch dòng tiền

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	68.100.000.000
2	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(97.300.000.000)
3	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(8.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(37.700.000.000)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		43.125.000.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		5.425.000.000

Kế hoạch trả nợ

Dư nợ vay đầu năm: 80 tỷ đồng
 Trả nợ vay trong năm: 10 tỷ đồng
 Dư nợ vay cuối năm: 70 tỷ đồng

Kế hoạch kinh doanh 2019 tại báo cáo này là số liệu dự kiến, các chỉ tiêu chính thức sẽ do ĐHĐCĐ thường niên 2019 biểu quyết phê duyệt

Biện pháp triển khai thực hiện

Thực tiễn tình hình thị trường hàng hóa tại khu vực vùng hấp dẫn của cảng (Nam Trung Bộ và Tây Nguyên) không có sự đột biến, nhưng lại có sự cạnh tranh quyết liệt giữa các cảng trong khu vực, do vậy Cảng Cam Ranh cần phân tích giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại doanh nghiệp.

Giải pháp về thị trường và sản xuất kinh doanh:

- Dành sự ưu tiên hàng đầu cho công tác thị trường và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm; đào tạo người lao động và bảo đảm quy trình khai thác, đặt khách hàng làm trọng tâm. Xây dựng chiến lược thị trường với phương châm: “Mở rộng thị trường trên cơ sở phát triển và khai thác hiệu quả thị trường hiện có”.
- Phát triển thị trường và xây dựng chiến lược phát triển thị trường, khách hàng, dịch vụ, sản phẩm; kết nối làm việc với các Tập đoàn lớn để gia tăng lượng hàng qua cảng, trước mắt tập trung làm việc với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) để đưa lượng hàng Alumina của dự án Tân Rai về qua Cảng Cam Ranh. Rà soát lại nhu cầu, sản lượng của mặt hàng alumina, phân tích cơ hội, rủi ro, năng lực đối thủ cạnh tranh (Gò Dầu), khả năng thu hút nguồn hàng này về cảng trong thời gian tới, để quyết định đầu tư kho chứa. Phối hợp với Ban TTKH Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam trong việc tiếp cận, thu hút và phát triển mặt hàng Alumina.
- Đưa ra các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí như thuê ngoài lao động giá rẻ, cơ giới hóa trong sản xuất... để đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục công tác khảo sát thị trường đối với nhóm hàng container, phối hợp với Ban TTKH Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Trung tâm container để đánh giá sản lượng, tiềm năng, khả năng phát triển dịch vụ bốc xếp hàng container tại khu vực kết nối với các hãng tàu nội địa và quốc tế để khôi phục tuyến container nội địa và phát triển tuyến feeder khu vực trong tương lai.
- Mở rộng thêm các loại hình dịch vụ mới, thành lập Trung tâm dịch vụ Hàng hải tại khu vực mà UBND tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt. Liên kết với các đơn vị cung cấp dịch vụ để hình thành Trung tâm dịch vụ Logistics. Mục đích làm giảm thời gian chu chuyển của hàng hóa, giảm chi phí dịch vụ trong chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, tiến đến hoàn thiện chất lượng cung ứng dịch vụ một cách tốt nhất.
- Tối ưu các nguồn lực hiện hữu để gia tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận; tiến hành rà soát các phương tiện, thiết bị để có phương án xử lý phù hợp bao gồm cả việc thanh lý, mua sắm, thuê ngoài nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giải pháp về quản trị và đổi mới doanh nghiệp:



- Áp dụng phương thức quản trị tiên tiến hướng đến hiệu suất thông qua các công cụ như KPI..., thực hiện phân quyền, phân cấp để nâng cao trách nhiệm. Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thành hệ thống KPI của doanh nghiệp để đưa vào áp dụng đầu năm 2019.
- Triển khai giai đoạn 2 của Phương án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Công ty; Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, kiện toàn công tác nhân sự, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực, chỉ đạo rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

Giải pháp về chính sách khách hàng:

- Tập trung hơn nữa vào giải pháp khách hàng, linh hoạt trong chính sách với khách hàng (chính sách về giá, thủ tục nhanh gọn hiệu quả...), với mục tiêu giữ vững thị phần hiện có, nâng cao năng lực cạnh tranh để mở rộng thị trường duy trì sự tăng trưởng năm sau so với năm trước.
- Đột phá trong chính sách khách hàng (chính sách giá linh động, công tác chăm sóc và hỗ trợ khách hàng về thủ tục đảm bảo nhanh, gọn, hiệu quả...), xây dựng chiến lược phát triển thị trường, khách hàng, dịch vụ, sản phẩm.

Giải pháp về hợp tác, liên kết để phát triển sản xuất kinh doanh với các doanh nghiệp trong cùng Tổng công ty:

- Tăng cường mối quan hệ, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Tổng công ty để tăng năng lực và sức cạnh tranh của công ty; học hỏi được kinh nghiệm quản lý, khai thác cảng. Năm 2019, Công ty sẽ đẩy mạnh phối hợp với các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty trong chuỗi logistics chuyên sâu để hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh với dự kiến cơ hội mang lại trong năm là hợp tác khai thác đối với các Tập đoàn lớn như: Tập đoàn xi măng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (hàng thiết bị); Tập đoàn Hòa Phát, Formosa (hàng sắt, thép); Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam (hàng than đá và Alumina) qua Cảng Cam Ranh.
- Nỗ lực kết nối có kết quả công tác phối kết hợp với các doanh nghiệp thành viên trong Tổng Công ty nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển dịch vụ chuỗi trên cơ sở kết nối các lĩnh vực vận tải biển – cảng biển – dịch vụ hàng hải tương hỗ trong phát triển kinh doanh, giảm chi phí thông qua hoạt động sử dụng dịch vụ chung giữa các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

Giải pháp về tài chính và đầu tư:

Nhóm giải pháp về vốn:

Phân bổ nguồn lực để đầu tư phát triển đảm bảo hiệu quả và tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong kế hoạch ngắn hạn, về khoản vay tín dụng để đầu tư Bến số 2 (còn dư nợ 80 tỷ đồng) đã được thực hiện cơ cấu lại nợ để lành mạnh hóa tình hình tài chính trong tiến trình sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp. Để giảm thiểu chi phí sử dụng vốn và phụ thuộc nhiều vào vốn vay, Công ty tranh thủ kêu gọi nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài với chi phí vốn phù hợp (liên doanh, liên kết,...) với các đối tác có kinh nghiệm, tiềm lực tài chính tốt. Biến các lợi thế vị trí thương mại, đất đai sở hữu thành nguồn lực tài chính làm đối trọng trong liên doanh liên kết kêu gọi hợp tác vốn đầu tư. Xây dựng kế hoạch dài hạn về tăng tích lũy từ nội bộ Cảng Cam Ranh. Hạ thấp chỉ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu, nâng cao khả năng thanh khoản, bù đắp các thiếu hụt về dòng tiền; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các giải pháp quản trị tài chính:

Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa lượng vốn bị chiếm dụng. Có biện pháp sử dụng hiệu quả tiền tạm thời nhàn rỗi. Việc tổ chức quản lý và sử dụng tiền có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của công ty, khai thác tìm cơ hội đầu tư cho các hoạt động khác hứa hẹn đem về dòng tiền ổn định. Nâng cao hiệu quả luân chuyển vốn; Đánh giá thực trạng tài chính, phân tích thực trạng các khoản nợ phải trả, tính chất nợ, khả năng trả nợ để có các giải pháp cơ cấu các khoản nợ nhằm bảo đảm khả năng hoạt động của doanh nghiệp trong giai đoạn tới. Tiến hành rà soát khoản nợ vay tín dụng, cân đối với dòng tiền để thực hiện cơ cấu lại nợ theo hướng kéo dài thời hạn trả nợ, giãn nợ gốc, miễn giảm lãi vay. Hoàn thiện công tác quản trị tài chính, tăng cường chức năng giám sát tài chính của Công ty; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị tài chính và giám sát tài chính.

Giải pháp khác:

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ, đảm bảo an ninh khu vực sản xuất và toàn công ty.
- Đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm trong tất cả các lĩnh vực công tác như: Khánh tiết, hội nghị, sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, nguyên nhiên vật liệu, lao động...
- Phối hợp chặt chẽ với Cảng vụ Hàng hải, Hải quan, Biên phòng thực hiện nhanh gọn các thủ tục, tạo thuận lợi nhất cho chủ tàu, chủ hàng khi có nhu cầu xuất, nhập hàng hóa qua cảng.
- Tăng cường siết chặt việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của doanh nghiệp đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn chế độ.
- Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tại Công ty. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát: chú ý tập trung vào các lĩnh vực đầu tư; quản lý, sử dụng đất đai, quản lý ngân sách; quản lý tài sản; công tác cán bộ...

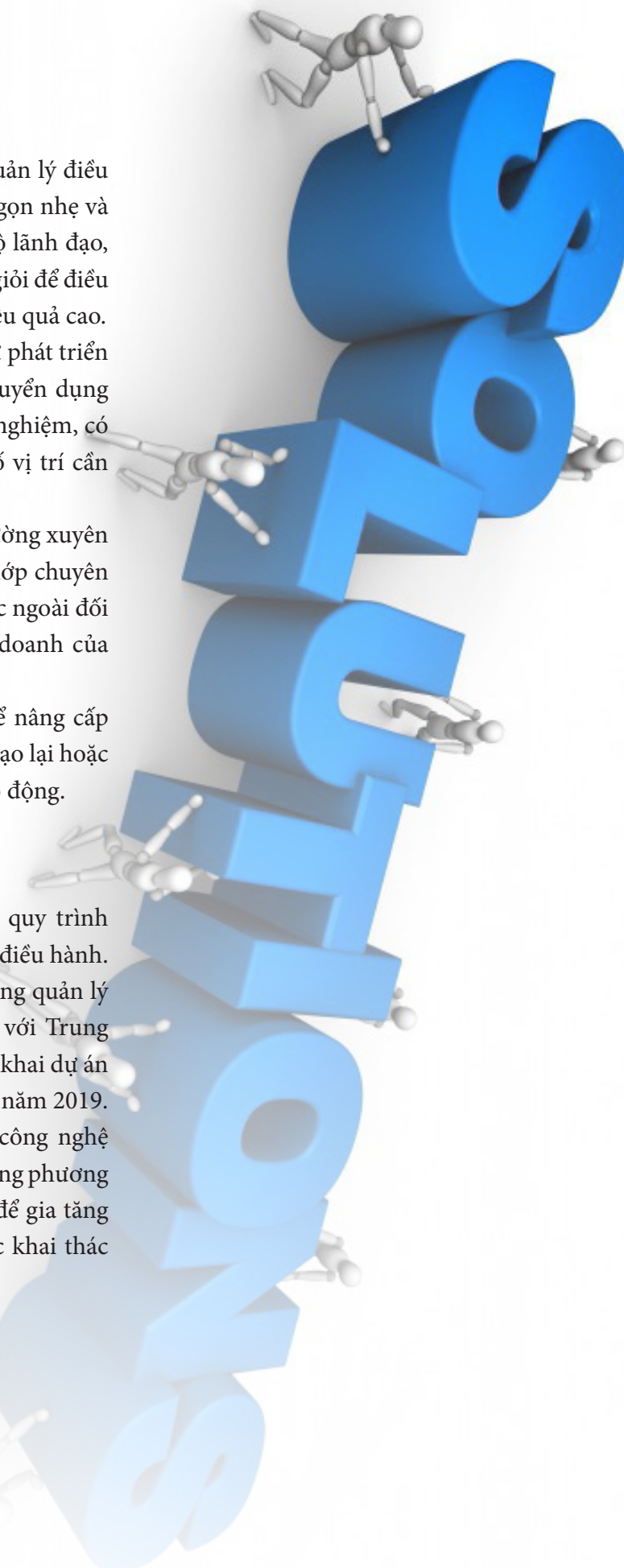


Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Tiếp tục cải tổ, củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành, cán bộ thừa hành công ty theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và cán bộ kỹ thuật có trình độ tay nghề giỏi để điều hành sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao.
- Để cao con người là yếu tố then chốt trong sự phát triển của công ty luôn luôn đề cao việc đào tạo, tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên giỏi, có kinh nghiệm, có chính sách ưu đãi thu hút nhân tài ở một số vị trí cần thiết.
- Công tác đào tạo phải trở thành kế hoạch thường xuyên hàng năm, từ việc đào tạo về ngoại ngữ, các lớp chuyên môn ngắn hạn kể cả việc cử đi đào tạo ở nước ngoài đối với các ngành liên quan đến sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện để nâng cấp chất lượng, năng suất lao động. Tiếp tục đào tạo lại hoặc tuyển dụng mới (nếu cần) đối với đội ngũ lao động.

Giải pháp về công nghệ thông tin:

- Thiết lập hệ thống thông tin và hoàn thiện quy trình ứng dụng CNTT trong tác nghiệp và quản lý điều hành. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động SXKD, khai thác cảng, phối hợp với Trung tâm CNTT của Tổng công ty trong việc triển khai dự án MIS-BI để có thể sớm đưa vào sử dụng trong năm 2019.
- Tối ưu các nguồn lực hiện hữu, ứng dụng công nghệ thông tin trong tác nghiệp và điều hành; áp dụng phương thức quản trị tiên tiến hướng đến hiệu suất để gia tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận, đảm bảo việc khai thác được thực hiện với chi phí thấp nhất.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



Tiêu thụ năng lượng:

- Dầu Diesel: 79.170 lít
 - Xăng: 11.895 lít
 - Nhớt: 635 lít
 - Điện: 485.820 Kw/h
- (Sản xuất, sinh hoạt và kinh doanh)

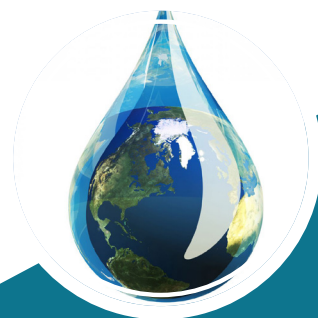


Tiêu thụ nước:

Nước: 27.998 m³ (Sinh hoạt và kinh doanh)



Mức tiêu thụ năng lượng trong năm qua được Công ty sử dụng một cách hiệu quả và tiết kiệm. Với mức sử dụng năng lượng như trên là hợp lý đối với đặc thù ngành, nghề kinh doanh tại Công ty vốn phải sử dụng chi phí nhiều cho nhiên liệu hoạt động các máy móc thiết bị vận chuyển. Ngoài ra, Công ty còn tuyên truyền rộng rãi về ý thức sử dụng tiết kiệm điện năng, nước, nhiên liệu...trong Công ty nhằm tiết giảm chi phí không đáng có, không phung phí góp một phần nhỏ trong việc bảo vệ môi trường tại cơ sở làm việc cũng như với địa phương.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức được địa phương là nơi hoạt động sản xuất lâu dài, được sự hỗ trợ của địa phương, hỗ trợ của người dân tại khu vực sẽ giúp Công ty thuận lợi trong phát triển kinh doanh. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến các chính sách hỗ trợ đáp lại với địa phương như: thăm hỏi gia đình nghèo, hỗ trợ tài chính cho các học sinh nghèo hiếu học, hỗ trợ nạn nhân nhiễm chất độc DIOXIN,...



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến cuộc sống của nhân viên bởi lẽ con người là nòng cốt của sự sáng tạo, phát triển, đóng góp vào hiệu quả chung của Công ty. Trong năm qua, mức lương cho người lãnh đạo được xây dựng theo cơ chế phù hợp, công bằng và xứng đáng với công sức được đánh giá theo từng chỉ tiêu cụ thể. Mặt bằng lương trong năm qua đã tăng đáng kể khuyến khích tinh thần làm việc của đội ngũ lao động. Ngoài chính sách lương thưởng, Công ty còn tổ chức các kỳ nghỉ, du lịch, hoạt động nội bộ, làm tăng tính đoàn kết giữa các phòng ban, vừa là dịp để thư giãn sau các áp lực công việc.





05

BÁO CÁO CỦA HĐQT

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Lợi thế về phân hạng quy hoạch: Cảng Cam Ranh được quy hoạch là một trong 17 cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (Loại I) thuộc Nhóm cảng biển Nam Trung Bộ với khu bến cảng tổng hợp, container cho tàu trọng tải từ 30.000 đến 50.000 tấn đáp ứng cho khách hàng có tàu tải trọng lớn.



Lợi thế về vị trí: Cảng Cam Ranh có vị trí địa lý, điều kiện địa hình của một cảng nước sâu; có quỹ đất được quy hoạch thích hợp (69 ha) để xây dựng dịch vụ hậu cần sau cảng; kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông quốc gia (cách QL1A khoảng 2km; có tuyến đường sắt cũ có thể khôi phục nối liền với tuyến đường sắt quốc gia; cách sân bay quốc tế 18km), thuận lợi cho việc xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng logistics hiện đại.



Lợi thế về điều hành khai thác: Cảng Cam Ranh là thương cảng có từ trước 1975, doanh nghiệp có bề dày hoạt động nên đội ngũ quản lý và công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm, được đào tạo bài bản.



THẾ MẠNH

S

W



ĐIỂM YẾU



CƠ HỘI

O

T



THÁCH THỨC



Thiếu nguồn hàng: khu vực chân hàng của cảng Cam Ranh không có các khu công nghiệp lớn, hạ tầng kinh tế địa phương và khu vực Nam trung bộ kém phát triển so với các trung tâm kinh tế của cả nước, do vậy nhu cầu và sản lượng hàng hóa xuất nhập qua cảng còn hạn chế, không ổn định và không đa dạng.

Hạn chế về Nhà cung cấp: các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ (cung cấp các phương tiện vận chuyển thực hiện logistics; cung cấp nhân công xếp dỡ; cung cấp điện nước,...) trên địa bàn hoặc khu vực lân cận thiếu và yếu, ít chuyên nghiệp, thường gây áp lực bằng nhiều hình thức như tăng giá đầu vào, giảm giá đầu ra.

Hạn chế về kết nối hệ thống hạ tầng sau cảng: vị trí Cảng Cam Ranh nằm trong trung tâm thành phố Cam Ranh, khu dân cư do vậy hạn chế loại hàng hóa có độ phát tán môi trường. Trong tương lai, nếu không mở rộng những tuyến đường chính từ cảng thì sẽ ảnh hưởng đến năng suất vận chuyển hàng hóa đi và đến Cảng Cam Ranh.

Hạn chế về năng lực hạ tầng và trang thiết bị: cầu cảng đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, nhưng thiếu đồng bộ. Phương tiện xếp dỡ tại cầu cảng và tại bãi vừa thiếu lại lạc hậu, luồng vào cảng với độ sâu luồng công bố hiện nay chỉ đáp ứng tiếp nhận loại 30.000DWT đẩy tải vào cảng.



Nâng cao khả năng chiếm lĩnh và giữ vững thị phần: như đã phân tích điểm yếu về chân hàng, về thị trường trong khu vực có hạ tầng kinh tế kém phát triển trong bối cảnh cạnh tranh đang xuất hiện ngày càng rõ nét, việc tìm kiếm nguồn hàng mới và giữ ổn định khách hàng đang là thách thức hàng đầu.



Nâng cao năng lực cạnh tranh: Năng lực, phương tiện xếp dỡ hiện nay còn thiếu và yếu, năng suất xếp dỡ còn thấp, chưa khai thác được những hàng hóa thiết bị có trọng lượng lớn, do vậy, Cảng Cam Ranh phải có Chiến lược phát triển đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phương tiện thiết bị, nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cạnh tranh với những cảng trong khu vực.



Nguồn tích lũy để đầu tư phát triển: Nguồn lực tài chính của công ty hạn chế nên công ty chỉ đầu tư các dự án khi có nhu cầu từ khách hàng, các dự án đầu tư kho bãi thực hiện nhỏ lẻ nên suất đầu tư cao hơn khi thực hiện đầu tư đồng bộ; Nguồn vốn đầu tư của công ty đa số là dùng vào các dự án đầu tư kho bãi, cầu bến, hạ tầng kỹ thuật, công cụ dụng cụ; chưa đầu tư vào phương tiện xếp dỡ tại cầu cảng và tại bãi; chưa đầu tư trang thiết bị theo khoa học công nghệ tiên tiến. Bến số 2 được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2013 với phần lớn nguồn vốn đầu tư từ vay thương mại, hiện nay hàng năm công ty phải trả vốn vay và lãi gốc nên nguồn vốn đầu tư bị hạn chế.



Cảng Cam Ranh nằm trong khu vực hạn chế của khu quân sự Cam Ranh (Quyết định Số: 44/2015/QĐ-TTg) nên khó thu hút được những nhà đầu tư nước ngoài, khách hàng có sản lượng lớn.

Cạnh tranh từ các dịch vụ thay thế: Ngoài phương án vận chuyển hàng hóa bằng đường biển còn có vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt nên tùy theo giá thành dịch vụ, thời gian thực hiện mà khách hàng có thể chọn các phương án vận chuyển khác nhau.



Cảng Nha Trang đã quy hoạch chuyển thành Bến tàu khách quốc tế, do vậy một phần hàng hóa về Cảng Nha Trang hiện nay sẽ dịch chuyển về Cảng Cam Ranh.

Theo quy hoạch của tỉnh Khánh Hòa thì Cam Ranh thuộc khu trọng điểm kinh tế phía Nam để phát triển các khu công nghiệp và dịch vụ. Hy vọng với sự hỗ trợ của địa phương cùng với công tác thị trường của cảng được đẩy mạnh thì hàng hóa thông qua cảng sẽ tăng. Cam Ranh nằm trong khu vực có các mỏ đá trữ lượng lớn để khai thác đá xây dựng xuất khẩu, các khách hàng xuất khẩu đã có hợp đồng với các đối tác và chọn Cảng Cam Ranh là cảng xuất để cung cấp với sản lượng lớn.

Tiềm năng về phát triển năng lượng tái tạo ở khu vực khá lớn. Với chính sách ưu tiên các dự án ít ảnh hưởng đến môi trường và giá mua điện tăng nên các dự án về Phong điện, nhiệt điện, điện mặt trời trong khu vực đã khởi công và sẽ khởi công trong thời gian tới. Đây là mặt hàng tuy sản lượng hàng thông qua cảng không cao nhưng doanh thu và lợi nhuận rất tốt.

Với những thuận lợi như trên, sẽ là cơ hội cho Cảng Cam Ranh tiếp tục giữ vững thị trường, đồng thời thu hút thêm khách hàng mới. Trong những năm tới, nếu Công ty tiếp tục có chính sách ưu đãi cho khách hàng; thực hiện tốt công tác marketing; chăm sóc tốt cho khách hàng; đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, chắc chắn các khách hàng lớn, khách hàng truyền thống sẽ tiếp tục hợp tác lâu dài, ổn định. Bên cạnh đó, đây cũng là lợi thế để các khách hàng mới xem xét đưa hàng qua Cảng Cam Ranh.

Kết quả kinh doanh năm 2018 thực hiện

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
1	Tổng tài sản	Đồng	378.423.576.689
2	Nợ phải trả	Đồng	111.458.020.957
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	266.965.555.732
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	4,18%
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,91%
6	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,42

Để có được kết quả hoạt động trên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phải định hướng chiến lược rõ ràng đối với kế hoạch hoạt động trong năm và không ngừng triển khai các phương án theo dõi quản trị, cũng như kiểm soát chặt chẽ các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình hoạt động vận chuyển tại cảng. Qua đó, các công tác về quản lý kỹ thuật, quản lý nhân công, mua sắm máy móc thiết bị,... đều được thực hiện nhất quán, có hệ thống đạt hiệu quả cao góp phần giúp công ty hoàn tất kế hoạch sản xuất năm đã được định hướng.

Năm qua, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty có nhiều điểm sáng rất tích cực. Chỉ tiêu doanh thu và cả lợi nhuận không những có sự tăng trưởng mà còn hoàn thành vượt xa kế hoạch đề ra. Theo đó, ROA và ROE lần lượt là 4,18% và 5,91%. Năm 2018, tài sản và vốn chủ sở hữu chỉ tăng ở mức tương đối nhưng đem lại lợi nhuận tăng vượt bậc 92,11% so với cùng kỳ năm 2017. Có thể thấy được, Công ty đang hoạt động hiệu quả, sử dụng tài sản và nguồn vốn tối ưu để đạt được những kết quả thành công trong năm.

Về các mặt hoạt động của Công ty

Trước những khó khăn và thách thức về mọi mặt hoạt động, CTCP Cảng Cam Ranh trong năm 2018 đã vô cùng nỗ lực để hoàn thành mục tiêu tăng lợi nhuận, nâng cao năng lực và trách nhiệm trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Nhờ đó, doanh thu thuần năm đã tăng trưởng 28,80% và lợi nhuận sau thuế đạt 15,6 tỷ, tăng 92,11% so với năm 2017. Ngoài ra, các chính sách mới trong hoạt động vận tải đường biển cũng được Công ty áp dụng và thích ứng tốt. Bên cạnh đó, CCR luôn quan tâm đến các chính sách nhân sự để giữ chân người lao động, các khoản lương, thưởng, phụ cấp trong năm được đảm bảo đầy đủ, các chương trình đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn cho cán bộ công nhân viên được thực hiện phù hợp với yêu cầu công việc.

Tổng kết năm 2018, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của CCR đã khả quan hơn rất nhiều, mức lợi nhuận đã tăng trưởng mạnh, các công việc được hoàn thành theo đúng định hướng đặt ra, Ban Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện kịp thời, hỗ trợ và tháo gỡ nhanh chóng các vấn đề tồn đọng. Đây chính là động lực để CCR tiếp tục nâng cao các giá trị của mình trong năm 2019.

Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm qua, Ban TGD Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2018 đề ra. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại, đồng thời, chỉ đạo và giải quyết hợp lý trong từng trường hợp, từng thời điểm. Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo, đề xuất nhiều vấn đề, phương hướng quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp để hạn chế những bất lợi của tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2018 của Công ty.

Ban Điều hành Cảng Cam Ranh cũng đã nỗ lực, chủ động nghiên cứu, xây dựng và triển khai nhiều giải pháp trong điều kiện nguồn lực của Cảng Cam Ranh còn hạn chế để từng bước ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước sự cạnh tranh ngày càng gia tăng và diễn biến khó lường của tình hình thị trường; đồng thời chuyên môn hóa các ngành chính của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả, tăng lợi nhuận và đem đến lợi ích cho các cổ đông.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục tiêu phát triển

- Giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có, tránh rơi vào tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh, thu hẹp thị phần.
- Đẩy mạnh công tác thị trường nhằm thu hút thêm khách hàng mới
- Tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận, tiết giảm chi phí hướng đến mục tiêu chung là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của Cảng.
- Cải thiện năng suất lao động, đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và quản lý.



Chỉ tiêu kế hoạch



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH Năm 2019
1	Sản lượng	Tấn	2.503.800
2	Doanh thu	Tr.đồng	152.250
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	20.000
4	EBITDA	Tr.đồng	44.200

Thị trường và khách hàng mục tiêu

- Thị trường chủ yếu vẫn là chân hàng quanh khu vực nam trung bộ với các mặt hàng đá, khoáng sản, hàng rời, dăm gỗ xuất khẩu.
- Khách hàng mục tiêu là nhóm khách hàng có chân hàng xuất ổn định và cơ sở hạ tầng đầu tư bền vững, lâu dài.

Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

- Căn cứ vào công tác điều tra thị trường, tình hình kế hoạch hàng hóa của các chủ hàng thông qua cảng năm 2019, căn cứ vào mức độ cạnh tranh của các cảng trong khu vực và đặc điểm tình hình phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương và khu vực.
- Kết quả thực hiện kinh doanh năm 2018: tăng trưởng đột biến về mặt sản lượng là do mặt hàng dăm gỗ và đá xuất khẩu tăng mạnh (nguyên nhân đã nêu tại điểm 1.2.1, mục III); tăng trưởng đột biến về mặt lợi nhuận là do hàng thiết bị phong điện (4 dự án).
- Khảo sát, phân tích và dự báo thị trường cho năm 2019, nhu cầu thực tiễn của chủ hàng đã và sắp ký hợp đồng khai thác hàng qua cảng (bao gồm một số mặt hàng mới dự kiến sẽ phát sinh), bao gồm:
 - Khảo sát nhu cầu thị trường, khách hàng; tập trung trọng điểm thị trường khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
 - Các khách hàng mục tiêu tiếp tục là các khách hàng lớn của cảng với mặt hàng chủ lực là dăm gỗ, cát, đá, xi măng và các Tập đoàn lớn mà Tổng công ty đã ký kết các thoả thuận hợp tác như Tập đoàn Than và Khoáng sản với các dự án than, alumin; với Tập đoàn thép, Tập đoàn xi măng; Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các dự án năng lượng, thiết bị.

Phân tích nguồn hàng:

- Về đá xây dựng các loại: Mỏ (đá xanh 1x2) chính có sản lượng xuất lớn nằm trên địa bàn nhưng lại bên vành đai của đường cao tốc Cam Lâm-Bình Thuận nên có khả năng bị đóng mỏ; Mỏ (đá trắng mi và 1x2) nằm tại tỉnh Ninh Thuận nên thời gian vận chuyển hàng tập kết khó khăn, chi phí tăng cao. Dự kiến năm 2019 các chủ hàng tiếp tục xuất khẩu, tuy nhiên năng suất khai thác tại các mỏ sẽ giảm hơn năm 2018 và quota xuất khẩu chưa chắc chắn.
- Về mặt hàng dăm gỗ: năm 2018 xuất ồ ạt do phải tận thu nguyên liệu do vậy nguồn nguyên liệu năm 2019 không kịp tái phục hồi để có sản lượng như 2018 (cây trồng 5-6 năm mới khai thác); các chủ hàng của khu vực Quy Nhơn tạm thời đưa tàu vào Cảng Cam Ranh để làm hàng 2018 sẽ quay về Cảng Quy Nhơn do không còn trở ngại về luồng tàu. Bên cạnh đó, Cảng Nam Vân Phong (gần vùng nguyên liệu từ Daklak xuống) sẽ đưa vào hoạt động đầu 2019 cũng ảnh hưởng tới thị phần của Cảng Cam Ranh.
- Về nhóm Máy móc, thiết bị: Các dự án phong điện, nhiệt điện cho Ninh Thuận, Bình Thuận đã nhập cấp tập trong năm 2018 (4 dự án), khảo sát năm 2019 tối đa chỉ 1 dự án nhưng rơi vào 6 tháng cuối năm. Mặt khác năm 2019 sẽ bị ảnh hưởng cạnh tranh của cảng tổng hợp Vĩnh Tân (Bình Thuận).
- Về các nhóm hàng khác (Cá đông lạnh, Thạch cao, Nhựa đường...): Cá đông lạnh có chiều hướng tăng trưởng, tuy nhiên thạch cao và nhựa đường có khuynh hướng giảm. Nhóm này có sản lượng không cao.
- Các mặt hàng xuất nội địa như: Muối, Cát trắng, Cát/đá xây dựng xuất ổn định, trong đó cát/đá xây dựng cung cấp cho nội địa tăng cao vì khu vực này hiện đang có nhu cầu cao trong xây dựng cơ sở hạ tầng. Riêng sản lượng cát trắng xuất vào thị trường TP Hồ Chí Minh cung cấp cho các nhà máy thủy tinh trong năm 2018 và sẽ giữ ổn định tiếp tục trong năm 2019.
- Các mặt hàng nhập nội địa: Trong năm 2018, sản lượng Cement bao giảm, dự kiến trong năm 2019 các đơn vị sẽ thay thế bằng cement rời tại chỗ (các dự án xi lô) với chi phí thấp nên sản lượng kế hoạch giảm.



ĐÁNH GIÁ

Về sự phù hợp của các chỉ tiêu kế hoạch với thị trường, dự địa phát triển của doanh nghiệp

Các chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng qua khảo sát thực tế thị trường và tiếp cận trực tiếp khách hàng, trong đó đặc biệt quan tâm là các khách hàng lớn thuộc nhóm hàng xuất nhập khẩu, đồng thời phân tích dự kiến các ảnh hưởng từ chính sách vĩ mô của nhà nước và các chính sách hỗ trợ hoặc hạn chế liên quan của địa phương.

Tổng sản lượng kế hoạch 2019 vẫn sẽ tiếp tục trên 2 triệu tấn, chủ yếu là hàng rời, khả năng tiếp nhận lượng hàng và tàu như thế này đều nằm tầm dự địa phát triển của doanh nghiệp về công suất thiết kế cầu bến đến khả năng thiết bị, nhân công để bảo đảm năng suất khai thác hàng.



Nhận diện rủi ro trong kế hoạch kinh doanh

Hoạt động kinh doanh khai thác cảng gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế khu vực cũng như sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu, do đó bất kỳ biến động nào của nền kinh tế và hoạt động thương mại của Việt Nam cũng sẽ tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra về chính sách, pháp luật, hoạt động cảng biển chịu ảnh hưởng lớn từ hạ tầng và các chính sách quản lý, quy hoạch, kiểm soát giao thông là một trong những nhân tố đáng kể tác động đến hoạt động cảng và sự thay đổi về mặt chính sách là không thể tránh khỏi trong từng thời điểm thích ứng với chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước. Khi các yếu tố quản lý về mặt Nhà nước này thay đổi, cũng sẽ tác động ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Cảng Cam Ranh.

Cụ thể trong kế hoạch kinh doanh 2019 đã xây dựng, sản lượng 2,2 triệu tấn, các mặt hàng chủ lực của doanh nghiệp là nhóm hàng xuất nhập khẩu (dầm gỗ, thiết bị, đá xây dựng, alumin...) đều nhạy cảm với chính sách, hạn ngạch xuất nguyên liệu thô, khoáng sản của nhà nước. Chính sách chuyển hướng xuất alumin của TKV ra các cảng miền Trung sẽ tác động việc xuất hiện mặt hàng mới này qua Cảng Cam Ranh hay không. Trường hợp xấu (có thể xảy ra) nếu hội tụ những biến động xấu của kinh tế cả nước hoặc các chính sách hạn chế của nhà nước, sản lượng dự kiến 2019 của Cảng Cam Ranh khả năng sẽ chỉ đạt dưới 2 triệu tấn (trung bình 3 năm qua là 1,7 triệu tấn/năm).



06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội Đồng Quản Trị
- Ban Kiểm Soát
- Thù lao và các giao dịch



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Việt Nhâm	Chủ tịch	6.136.854	25,05%
2	Phạm Hữu Tấn	Thành viên	4.952.963	20,41%
3	Nguyễn Văn Tài	Thành viên	3.497.102	14,27%
4	Hoàng Quốc Phương	Thành viên	4.386.871	17,90%
5	Nguyễn Đăng Song	Thành viên	4.410.327	18,00%

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức bốn (04) phiên họp trực tiếp và có chín (09) kỳ lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản. Tại các kỳ họp và các kỳ lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị đã ban hành mười sáu (16) Nghị quyết và hai mươi sáu (26) Quyết định để triển khai thực hiện công tác quản lý tổ chức điều hành của Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Việt Nhâm	Chủ tịch	13	100%
2	Phạm Hữu Tấn	Thành viên	13	100%
3	Nguyễn Văn Tài	Thành viên	13	100%
4	Hoàng Quốc Phương	Thành viên	13	100%
5	Nguyễn Đăng Song	Thành viên	13	100%



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	40/2018/NQ-CCR.HĐQT	04/01/2018	Ban hành “Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh” thay thế cho Quyết định số 30/QĐ-CCR, ngày 19/01/2016 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh về việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.
2	41/2018/NQ-CCR.HĐQT	30/01/2018	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.
3	42/2018/NQ-CCR.HĐQT	28/02/2018	Thông qua Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.
4	43/2018/NQ-CCR.HĐQT	07/03/2018	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.
5	44/2018/NQ-CCR.HĐQT	13/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt chủ trương Dự án Bãi chứa hàng tổng hợp và thiết bị, hạng mục: bê tông nền bãi số 1- KBIII theo tờ trình của Tổng giám đốc số: 125/TTr-CCR, ngày 10/03/2018. - Chấp thuận để những người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh biểu quyết thông qua tại cuộc họp HĐQT của Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh. <p>- Thống nhất hỗ trợ kinh phí cho nữ công nhân Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tham quan tại Thái Lan 5 ngày (từ ngày 21/03/2018 đến ngày 25/03/2018) từ nguồn Quỹ phúc lợi của Công ty. Giao cho Tổng giám đốc phê duyệt danh sách, kinh phí tổ chức thực hiện.</p> <p>- Thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trích lập và phân phối Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh thay thế cho Quyết định số 54/2017/QĐ-CCR.HĐQT, ngày 18/03/2017 của HĐQT.</p>
6	45/2018/NQ-CCR.HĐQT	09/04/2018	<p>Đồng ý việc góp vốn và hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Hàng hải Quảng Hưng.</p> <p>- Phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của Công ty.</p>
7	46/2018/NQ-CCR.HĐQT	18/04/2018	- Phê duyệt điều chỉnh Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.
8	47/2018/NQ-CCR.HĐQT	18/04/2018	Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2015-2020 đối với ông Dương Văn Thành và ông Nguyễn Huy Phương.
9	48/2018/NQ-CCR.HĐQT	30/05/2018	Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm và cả năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.
10	49/2018/NQ-CCR.HĐQT	04/07/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường cống cảng, cầu cảng- giai đoạn 2: hạng mục bê tông xi măng đường trục nội bộ T1 theo tờ trình của Tổng giám đốc ngày 20/06/2018. - Phê duyệt chủ trương Dự án đầu tư đường ống cấp nước cầu cảng Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh theo tờ trình của Tổng giám đốc ngày 15/06/2018.

11	50/2018/NQ-CCR.HĐQT	04/07/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Quy chế quản lý nợ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh. - Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh. - Tổ chức tham quan cho người lao động năm 2018. <p>- Thống nhất chuyển chức năng đầu tư từ phòng Tài chính Kế hoạch sang phòng Kỹ thuật Công trình của Quy chế tổ chức quản lý điều hành Công ty.</p> <p>- Thông qua Bảng phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị.</p>
12	51/2018/NQ-CCR.HĐQT	05/07/2018	<p>Mua lại cổ phiếu của cổ đông là người lao động trong Công ty nghỉ việc trước thời hạn cam kết để làm cổ phiếu quỹ.</p> <p>- Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh.</p>
13	52/2018/NQ-CCR.HĐQT	20/09/2018	- Bổ sung việc chuyển nhượng vốn của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh vào Chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Cảng Cam Ranh.
14	53/2018/NQ-CCR.HĐQT	15/10/2018	<p>Ban hành các Quy chế của Công ty.</p> <p>- Thông qua chủ trương đầu tư dự án Kho bãi phía Tây Cảng Cam Ranh, hạng mục Bãi số 05 – KBII sau khi có cam kết của Công ty cổ phần than Miền Trung về việc thuê bãi 10.000 m2.</p> <p>- Thống nhất để ông Dương Văn Thành thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty để nghỉ hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 1/11/2018.</p>
15	54/2018/NQ-CCR.HĐQT	08/11/2018	<p>- Thống nhất để Tổng giám đốc lập tờ trình xin chủ trương bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc từ nguồn nhân sự tại chỗ.</p> <p>- Thống nhất giao cho Tổng giám đốc xây dựng lại Phương án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức giai đoạn 2 trước ngày 10/12/2018.</p> <p>- Thống nhất để cho Tổng giám đốc lập tờ trình xin chủ trương mua sắm xe ô tô 7 chỗ và bổ sung vào kế hoạch đầu tư năm 2018.</p>
16	55/2018/NQ-CCR.HĐQT	27/12/2018	Thông qua chủ trương mua sắm 01 (một) xe ô tô 07 chỗ và đưa vào kế hoạch đầu tư năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban	-	-
2	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên	19.400	0,08 %
3	Dương Thị Thanh Mai	Thành viên	5.800	0,02 %

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Về hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng hiệu quả hoạt động. Giám sát Hội đồng quản trị trong việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với các Quy chế, quy định hiện hành của Công ty và Pháp luật.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2018 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Về hoạt động của Ban Giám đốc:

Giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ thường niên và Hội đồng quản trị đã đề ra, các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và các Quyết định Hội đồng quản trị đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện. BKS thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế, theo dõi việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước trong các mặt hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- HĐQT và BKS cử người tham dự đầy đủ các buổi họp giao ban của Công ty để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng đơn vị cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh, vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc.
- Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho HĐQT, BKS được thực hiện thường xuyên và đầy đủ bằng văn bản, điện thoại, email về tình hình hoạt động của Công ty để phục vụ kịp thời cho công việc giám sát của HĐQT, BKS đối với Tổng giám đốc.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng
I	Hội đồng quản trị	1.012.989.896	31.002.000
1	Nguyễn Việt Nhâm	508.175.448	15.501.000
2	Phạm Hữu Tấn	504.814.448	15.501.000
3	Nguyễn Văn Tài	-	12.401.000
4	Hoàng Quốc Phương	-	12.401.000
5	Nguyễn Đăng Song	-	6.000.000
II	Ban kiểm soát	413.956.563	17.000.400
1	Dương Thị Hồng Hạnh	-	11.000.400
2	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	184.283.270	3.000.000
3	Dương Thị Thanh Mai	229.673.293	3.000.000
III	Ban điều hành	1.785.788.873	51.415.400
1	Phạm Hữu Tấn	504.814.448	15.501.000
2	Dương Văn Thành	397.263.475	12.401.000
3	Nguyễn Văn Thắng	471.647.475	11.111.400
4	Nguyễn Huy Phương	412.063.475	12.402.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 6 năm 2015 chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH Một thành viên, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 3 854 307
- Fax : 0258 3 854 536

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa; đường bộ khác; ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; ven biển và viễn dương; đường thủy nội địa;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Kinh doanh dịch vụ Logistics; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế hải quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và sửa chữa động cơ khác);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa container; Dịch vụ vệ sinh container;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Cho thuê xe có động cơ; máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Việt Nhâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Đăng Song	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2017
Ông Dương Văn Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Hữu Tấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Huy Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Bà Dương Thị Thanh Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015
Ông Dương Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2016
Ông Nguyễn Huy Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Hữu Tấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2019



Head Office	02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hanoi	40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi Tel: 024. 3 736 7879 Fax: 024. 3 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City Tel: 0258. 3 876 555 Fax: 0258. 3 875 327 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City Tel: 0292. 3 764 995 Fax: 0292. 3 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0048/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1
 Nha Trang, ngày 25 tháng 02 năm 2019



(Handwritten signature)

Trần Nhật Khuyên - Kiểm toán viên
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2794-2014-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.349.388.137	51.827.713.624
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.823.488.827	37.545.354.541
1. Tiền	111		6.164.265.407	10.909.380.316
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.659.223.420	26.635.974.225
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.437.490.216	13.401.408.747
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	13.148.855.316	9.116.168.414
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.482.500.000	1.608.666.667
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	783.072.143	3.500.143.990
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(976.937.243)	(823.570.324)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.050.716.722	775.483.845
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.050.716.722	775.483.845
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.692.372	105.466.491
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	37.692.372	105.466.491
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.074.188.552	315.135.971.077
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.084.876.000	984.876.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.084.876.000	984.876.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		311.482.892.588	308.573.603.323
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	311.482.892.588	308.573.603.323
- Nguyên giá	222		506.587.054.721	486.536.211.085
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(195.104.162.133)	(177.962.607.762)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		800.953.183	328.303.637
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	800.953.183	328.303.637
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.670.000.000	1.670.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	1.670.000.000	1.670.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.035.466.781	3.579.188.117
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	106.135.708	3.579.188.117
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	929.331.073	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		378.423.576.689	366.963.684.701

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		111.458.020.957	107.559.485.487
I. Nợ ngắn hạn	310		29.261.020.957	15.171.365.487
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.119.426.825	699.173.227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	647.927.316	524.575.325
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.512.936.188	1.709.057.099
4. Phải trả người lao động	314	V.15	12.614.898.018	4.376.533.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		75.000.000	40.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	2.408.400.000	681.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	79.070.240	34.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	6.000.000.000	6.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	3.100.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	703.362.370	1.107.025.837
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		82.197.000.000	92.388.120.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	10.197.000.000	3.063.600.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	-	3.324.520.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	72.000.000.000	86.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		266.965.555.732	259.404.199.214
I. Vốn chủ sở hữu	410		266.965.555.732	259.404.199.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	(482.000.000)	(284.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	2.477.231.411	2.407.553.411
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	15.576.661.228	8.100.178.721
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		602.365.471	8.100.178.721
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.974.295.757	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	4.375.493.093	4.162.297.082
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		378.423.576.689	366.963.684.701


Hồ Nguyễn Tú Anh
 Người lập biểu


Nguyễn Huy Phương
 Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 02 năm 2019


Phạm Hữu Tấn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	159.549.618.762	123.878.486.849
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		159.549.618.762	123.878.486.849
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	105.642.724.763	90.246.369.105
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.906.893.999	33.632.117.744
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.698.587.061	723.389.117
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.997.058.333	8.690.880.556
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.997.058.333	8.687.788.888
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	304.994.065	312.614.746
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	27.933.294.758	15.252.957.946
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.370.133.904	10.099.053.613
12. Thu nhập khác	31	VI.7	355.203.273	207.240.889
13. Chi phí khác	32	VI.8	203.447.076	82.847.299
14. Lợi nhuận khác	40		151.756.197	124.393.590
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.521.890.101	10.223.447.203
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.886.406.306	2.121.430.726
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(929.331.073)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.564.814.868	8.102.016.477
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		14.974.295.757	7.546.200.435
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		590.519.111	555.816.042
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	612	252
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	612	252

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 02 năm 2019



Hồ Nguyễn Tú Anh
Người lập biểu



Nguyễn Huy Phương
Kế toán trưởng



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.521.890.101	10.223.447.203
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	17.141.554.371	15.701.242.023
- Các khoản dự phòng	03	V.5, 19	3.253.366.919	106.311.186
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(30.772.909)	3.091.668
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.667.814.152)	(769.713.206)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.997.058.333	8.687.788.888
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46.215.282.663	33.952.167.762
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.340.012.235)	(6.466.866.965)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	(275.232.877)	(98.867.452)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		18.258.723.465	(10.717.802.267)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7a,b	3.540.826.528	(709.646.270)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(7.997.058.333)	(8.687.788.888)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(3.913.599.761)	(1.282.644.262)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		34.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(1.747.444.467)	(1.241.259.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.775.484.983	4.747.292.317
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(21.491.493.182)	(4.280.042.592)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	150.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4a, VI.3	1.657.046.926	1.074.389.117
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.834.446.256)	(3.055.198.930)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.21	(198.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a, b	(14.000.000.000)	(7.528.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(6.495.677.350)	(5.409.214.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.693.677.350)	(12.937.214.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.247.361.377	(11.245.121.513)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	37.545.354.541	48.793.567.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		30.772.909	(3.091.668)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	45.823.488.827	37.545.354.541

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 02 năm 2019



Hồ Nguyễn Tú Anh
Người lập biểu



Nguyễn Huy Phương
Kế toán trưởng



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý khai thác biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa; cung cấp dịch vụ kho vận và bán lẻ nhiên liệu, chất đốt.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Do sản lượng hàng khai thác qua cảng năm nay tăng cao so với năm trước nên doanh thu dịch vụ và lợi nhuận trước thuế năm nay tăng mạnh so với năm trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chi đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh có trụ sở chính tại số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi; dịch vụ vận chuyển hàng hóa; cho thuê xe có động cơ; cung ứng lao động tạm thời; dịch vụ hàng hải; cung cấp dịch vụ neo đậu tàu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 51% (số đầu năm là 51%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 216 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 194 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Năm 2018, Công ty mẹ đã phân bổ hết chi phí công cụ, dụng cụ phát sinh từ năm 2016, 2017 vào kết quả kinh doanh.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Năm 2018, Công ty mẹ đã phân bổ hết chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh năm 2016, 2017 vào kết quả kinh doanh.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 120 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tò dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Năm nay
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 39
Máy móc và thiết bị	04 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 06

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tò dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

13. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hoá**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	394.791.535	802.868.872
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.769.473.872	10.106.511.444
Các khoản tương đương tiền	39.659.223.420	26.635.974.225
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	39.659.223.420	26.635.974.225
Cộng	45.823.488.827	37.545.354.541

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	13.148.855.316	9.116.168.414
Công ty Cổ phần Tiếp vận Khánh Hưng	3.237.240.000	-
Công ty TNHH đá Hóa An 1	1.138.420.552	50.687.964
Công ty Cổ phần Đồng Nai	462.445.500	613.779.750
Công ty TNHH Kwang Jin Việt Nam	-	1.011.895.756
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam - Ban quản lý dự án Tổ hợp Bauxit - Nhôm Lâm	24.952.642	1.913.702.828
Các khách hàng khác	8.285.796.622	5.526.102.116
Cộng	13.148.855.316	9.116.168.414

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác	2.482.500.000	1.608.666.667
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng T.A.L	1.658.000.000	-
Công ty TNHH Đông Đô	650.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Khánh Vĩnh	-	1.460.000.000
Các nhà cung cấp khác	174.500.000	148.666.667
Cộng	2.482.500.000	1.608.666.667

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	3.000.000.000	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	-	3.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	783.072.143	-	500.143.990	-
Lãi tiền gửi dự thu	10.767.226	-	-	-
Tạm ứng	539.100.000	-	305.600.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	-	3.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	230.204.917	-	191.543.990	-
Cộng	783.072.143	-	3.500.143.990	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.084.876.000	-	984.876.000	-
Chi phí giải phóng mặt bằng hành chính Cảng chờ khấu trừ tiền thuê đất Ngân sách Nhà nước (kể từ năm 2021)	984.876.000	-	984.876.000	-
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	-	-
Cộng	1.084.876.000	-	984.876.000	-

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức khác						
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	Trên 3 năm	457.802.124	-	Từ 2 đến 3 năm	457.802.124	137.340.637
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới	Trên 3 năm	113.319.150	-	Trên 3 năm	113.319.150	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	Trên 3 năm	99.453.843	-	Trên 3 năm	99.453.843	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	289.830.926	-	Trên 3 năm	252.153.985	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 2 đến 3 năm	23.616.000	7.084.800	Từ 1 đến 3 năm	61.292.941	23.111.082
Cộng		984.022.043	7.084.800		984.022.043	160.451.719

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	823.570.324	717.259.138
Trích lập dự phòng bổ sung	153.366.919	106.311.186
Số cuối năm	976.937.243	823.570.324

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	295.879.064	-	181.603.586	-
Công cụ, dụng cụ	262.603.525	-	247.241.327	-
Hàng hóa	492.234.133	-	346.638.932	-
Cộng	1.050.716.722	-	775.483.845	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	17.759.472	85.283.391
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.932.900	20.183.100
Cộng	37.692.372	105.466.491

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	-	2.266.301.711
Chi phí công cụ dụng cụ	40.900.872	615.799.478
Lợi thế kinh doanh	65.234.836	75.271.636
Chi phí khác	-	621.815.292
Cộng	106.135.708	3.579.188.117

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	444.223.114.962	24.833.862.502	16.310.032.407	1.169.201.214	486.536.211.085
Mua trong năm	-	8.305.868.182	733.434.545	-	9.039.302.727
Đầu tư xây dựng hoàn thành	11.011.540.909	-	-	-	11.011.540.909
Số cuối năm	455.234.655.871	33.139.730.684	17.043.466.952	1.169.201.214	506.587.054.721
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	3.072.982.792	109.549.445	3.182.532.237
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	152.187.704.701	14.625.127.638	10.330.446.467	819.328.956	177.962.607.762
Khấu hao trong năm	13.674.862.975	1.932.903.085	1.427.732.263	106.056.048	17.141.554.371
Số cuối năm	165.862.567.676	16.558.030.723	11.758.178.730	925.385.004	195.104.162.133
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	292.035.410.261	10.208.734.864	5.979.585.940	349.872.258	308.573.603.323
Số cuối kỳ	289.372.088.195	16.581.699.961	5.285.288.222	243.816.210	311.482.892.588
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 245.330.513.557 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang (xem thuyết minh số V.18b).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác
Mua sắm tài sản cố định	-	2.297.537.727	(2.264.302.727)	(31.635.000)
Xây dựng cơ bản dở dang	328.303.637	11.257.590.455	(10.786.540.909)	- 799.353.183
- Công trình Bến số 2 - Hàng mục Bã số 3-KB(III)	306.719.091	6.914.654.545	(7.221.373.636)	-
- Công trình: Đường công cảng - Cầu cảng, hàng mục: Bê tông xi măng khu vực vực công kiểm soát	21.584.546	354.795.455	(376.380.001)	-
- Bê tông nền bãi 01-KB(III)	-	2.236.193.635	(2.236.193.635)	-
- Đường ống cấp nước cầu cảng	-	952.593.637	(952.593.637)	-
- Công trình: Đường công cảng - Cầu cảng, hàng mục: Bê tông xi măng đường trục nội bộ T1	-	256.934.091	-	- 256.934.091
- Mở rộng Bến thủy nội địa	-	542.419.092	-	- 542.419.092
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.918.791.273	-	(1.918.791.273)
Cộng	328.303.637	15.473.919.455	(13.050.843.636)	(1.950.426.273)

10. Khoản đầu tư tài chính

Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.670.000.000	-	1.670.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đô Thị Cam Ranh	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-
Cộng	1.670.000.000	-	1.670.000.000	-

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-	912.658.011	912.658.011
Lãi nội bộ chưa thực hiện	-	16.673.062	-	16.673.062
Cộng	-	16.673.062	912.658.011	929.331.073

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.119.426.825	699.173.227
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	288.750.000	77.000.000
Công ty TNHH An Khang	80.949.440	269.728.822
Các nhà cung cấp khác	749.727.385	352.444.405
Cộng	1.119.426.825	699.173.227

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	647.927.316	524.575.325
Công ty TNHH Thương mại Coin	296.846.740	-
Công ty TNHH Biomass Nam Long	233.923.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hàng hải Việt Anh	-	145.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối miền Nam	-	196.350.000
Các khách hàng khác	117.157.576	183.225.325
Cộng	647.927.316	524.575.325

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	785.526.838	7.384.368.530	(7.879.435.865)	290.459.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	900.430.726	4.886.406.306	(3.913.599.761)	1.873.237.271
Thuế thu nhập cá nhân	23.099.535	571.917.997	(245.778.118)	349.239.414
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	10.227.983	(10.227.983)	-
Tiền thuê đất	-	360.570.600	(360.570.600)	-
Thuế môn bài	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.569.735	(10.569.735)	-
Cộng	1.709.057.099	13.231.061.151	(12.427.182.062)	2.512.936.188

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Các dịch vụ phục vụ cho tàu vận tải quốc tế	0%
Dịch vụ cấp nước	5%
Dịch vụ hàng hải, bốc xếp, cho thuê kho thuê bãi, cẩu, dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17% - áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 - theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác của Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty mẹ nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (VND/m ²)
Văn phòng xí nghiệp	8.255,5	6.480
Khu vực kho bãi số 1	25.000	3.888
	68.600	3.059

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Là số dư tiền lương còn phải trả cho cán bộ công nhân viên.

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**16a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là doanh thu cho thuê mặt bằng chưa thực hiện.

16b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là doanh thu cho thuê mặt bằng chưa thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	34.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	34.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	79.070.240	-
Kinh phí công đoàn	8.970.240	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	60.100.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.000.000	-
Cộng	79.070.240	34.000.000

17b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Thái Hưng	-	3.314.520.000
Các khách hàng khác	-	10.000.000
Cộng	-	3.324.520.000

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	6.000.000.000	6.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	6.000.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	6.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(6.000.000.000)
Số cuối năm	6.000.000.000

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	72.000.000.000	86.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	72.000.000.000	86.000.000.000
Cộng	72.000.000.000	86.000.000.000

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang theo hợp đồng tín dụng số 53815/DTDA/TD ngày 25 tháng 12 năm 2015 để đầu tư dự án xây dựng Bến số 2 - Cảng Cam Ranh tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, hạn mức vay là 100 tỷ VND. Thời hạn cho vay là 12 năm (144 tháng), kỳ thanh toán cuối cùng là vào năm 2027. Lãi suất bình quân của khoản vay trong năm là 9,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản cố định (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.000.000.000	6.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	38.000.000.000	32.000.000.000
Trên 5 năm	34.000.000.000	54.000.000.000
Cộng	78.000.000.000	92.000.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	86.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(8.000.000.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(6.000.000.000)
Số cuối năm	72.000.000.000

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	-
Tăng do trích lập	3.100.000.000
Số cuối năm	3.100.000.000

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận		Tăng khác	Điều chuyển giữa các quỹ	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	Tăng khác				
Quỹ khen thưởng	444.454.995	487.744.000	-	36.567.215	(600.560.000)	368.206.210
Quỹ phúc lợi	626.003.627	696.777.000	34.000.000	-	(1.021.624.467)	335.156.160
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	36.567.215	125.260.000	-	(36.567.215)	(125.260.000)	-
Cộng	1.107.025.837	1.309.781.000	34.000.000	-	(1.747.444.467)	703.362.370

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	245.018.170.000	(284.000.000)	1.581.275.817	7.653.013.104	4.423.234.635	258.391.693.556
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2016	-	-	710.591.000	(710.591.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	(1.421.182.207)	-	(1.421.182.207)
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(4.894.683.400)	(514.531.500)	(5.409.214.900)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.546.200.435	555.816.042	8.102.016.477
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2017	-	-	115.686.594	(115.686.594)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(75.196.286)	(72.256.085)	(147.452.371)
Chi khác	-	-	-	(111.661.341)	-	(111.661.341)
Điều chỉnh khác	-	-	-	229.966.010	(229.966.010)	-
Số dư cuối năm trước	245.018.170.000	(284.000.000)	2.407.553.411	8.100.178.721	4.162.297.082	259.404.199.214
Số dư đầu năm nay	245.018.170.000	(284.000.000)	2.407.553.411	8.100.178.721	4.162.297.082	259.404.199.214
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(198.000.000)	-	-	-	(198.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2017	-	-	69.678.000	(69.678.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(1.309.781.000)	-	(1.309.781.000)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(6.118.354.250)	(377.323.100)	(6.495.677.350)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	14.974.295.757	590.519.111	15.564.814.868
Số dư cuối năm nay	245.018.170.000	(482.000.000)	2.477.231.411	15.576.661.228	4.375.493.093	266.965.555.732

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	198.230.150.000	198.230.150.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	34.971.020.000
Các cổ đông khác	11.817.000.000	11.817.000.000
Cộng	245.018.170.000	245.018.170.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(48.200)	(28.400)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.453.617	24.473.417

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 69.678.000
• Trích quỹ khen thưởng	: 487.744.000
• Trích quỹ phúc lợi	: 696.777.000
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	: 125.260.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 6.118.354.250

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**22a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	307.075.000	356.682.608
Trên 1 năm đến 5 năm	1.228.300.000	1.228.300.000
Trên 5 năm	1.124.632.798	1.435.595.790
Cộng	2.660.007.798	3.020.578.398

22b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 80.306,02 USD (số đầu năm là 67.319,22 USD).

22c. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ phải thu khách hàng khó đòi đã xử lý cuối năm là 179.030.770 VND (số đầu năm là 179.030.770 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	29.424.263.032	24.360.907.906
Doanh thu cung cấp dịch vụ	130.125.355.730	99.517.578.943
Cộng	159.549.618.762	123.878.486.849

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.955.621.149	22.207.420.020
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	78.687.103.614	68.038.949.085
Cộng	105.642.724.763	90.246.369.105

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.240.814.152	705.889.117
Cổ tức, lợi nhuận được chia	427.000.000	17.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	30.772.909	-
Cộng	1.698.587.061	723.389.117

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.997.058.333	8.687.788.888
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	3.091.668
Cộng	7.997.058.333	8.690.880.556

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	203.020.000	220.800.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.397.178	31.735.272
Các chi phí khác	61.576.887	60.079.474
Cộng	304.994.065	312.614.746

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.646.203.300	9.771.911.054
Chi phí vật liệu quản lý	1.711.576.650	859.297.910
Chi phí khấu hao tài sản cố định	819.102.048	846.224.018
Dự phòng phải thu khó đòi	153.366.919	106.311.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.049.230.295	2.684.089.585
Các chi phí khác	1.553.815.546	985.124.193
Cộng	27.933.294.758	15.252.957.946

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	46.324.089
Thu nhập từ tiền thưởng giải phóng tàu	-	141.424.800
Tiền bồi thường	302.770.000	-
Thu nhập khác	52.433.273	19.492.000
Cộng	355.203.273	207.240.889

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bồi thường	175.600.000	-
Chi phí do chi tiền thưởng giải phóng tàu	-	70.712.400
Các khoản phạt	16.447.076	278.815
Chi phí khác	11.400.000	11.856.084
Cộng	203.447.076	82.847.299

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.768.895.757	7.546.200.435
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành	-	(1.384.977.286)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.768.895.757	6.161.223.149
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.465.280	24.473.417
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	604	252

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	24.473.417	24.473.417
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông Công ty mua lại trong năm	(8.137)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.465.280	24.473.417

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 248 VND lên 252 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.763.331.520	5.380.833.308
Chi phí nhân công	50.876.622.847	27.997.137.419
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.141.554.371	15.701.242.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.282.078.023	33.152.334.270
Chi phí khác	1.861.805.676	1.372.974.757
Cộng	106.925.392.437	83.604.521.777

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chi có lương, thưởng với tổng tiền lương, thưởng trong năm là 2.037.916.400 VND (năm trước là 1.776.690.000 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Cổ đông sở hữu 80,90% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch khác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh giảm công nợ phải trả (Bên số 2 - phần thuế VAT)	-	23.152.216.356
Thu tiền từ Tổng Công ty	-	2.161.346.200
Chia cổ tức cho Tổng Công ty	4.955.753.750	3.964.603.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.4a, V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ, quản lý khai thác biển và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.823.488.827	-	45.823.569.133
Phải thu khách hàng	12.164.833.273	984.022.043	13.148.855.316
Các khoản phải thu khác	181.010.443	-	181.010.443
Cộng	58.169.332.543	984.022.043	59.153.434.892
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.545.354.541	-	37.545.354.541
Phải thu khách hàng	8.132.146.371	984.022.043	9.116.168.414
Các khoản phải thu khác	3.056.819.000	-	3.056.819.000
Cộng	48.734.319.912	984.022.043	49.718.341.955

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	1.119.426.825	-	-	1.119.426.825
Vay và nợ	6.000.000.000	38.000.000.000	34.000.000.000	78.000.000.000
Các khoản phải trả khác	3.245.100.000	-	-	3.245.100.000
Cộng	10.364.526.825	38.000.000.000	34.000.000.000	82.364.526.825
Số đầu năm				
Phải trả người bán	699.173.227	-	-	699.173.227
Vay và nợ	6.000.000.000	32.000.000.000	54.000.000.000	92.000.000.000
Các khoản phải trả khác	74.000.000	3.324.520.000	-	3.398.520.000
Cộng	6.773.173.227	35.324.520.000	54.000.000.000	96.097.693.227

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tập đoàn chỉ có khoản tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ với số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là 80.306,02 USD (số đầu năm là 67.319,22 USD).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 78.000.000.000 VND (số đầu năm là 92.000.000.000 VND).

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.823.488.827	-	37.545.354.541	-
Phải thu khách hàng	13.148.855.316	(976.937.243)	9.116.168.414	(823.570.324)
Các khoản phải thu khác	181.010.443	-	3.056.819.000	-
Cộng	59.153.354.586	(976.937.243)	49.718.341.955	(823.570.324)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	1.119.426.825	699.173.227
Vay và nợ	78.000.000.000	92.000.000.000
Các khoản phải trả khác	3.245.100.000	3.398.520.000
Cộng	82.364.526.825	96.097.693.227

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

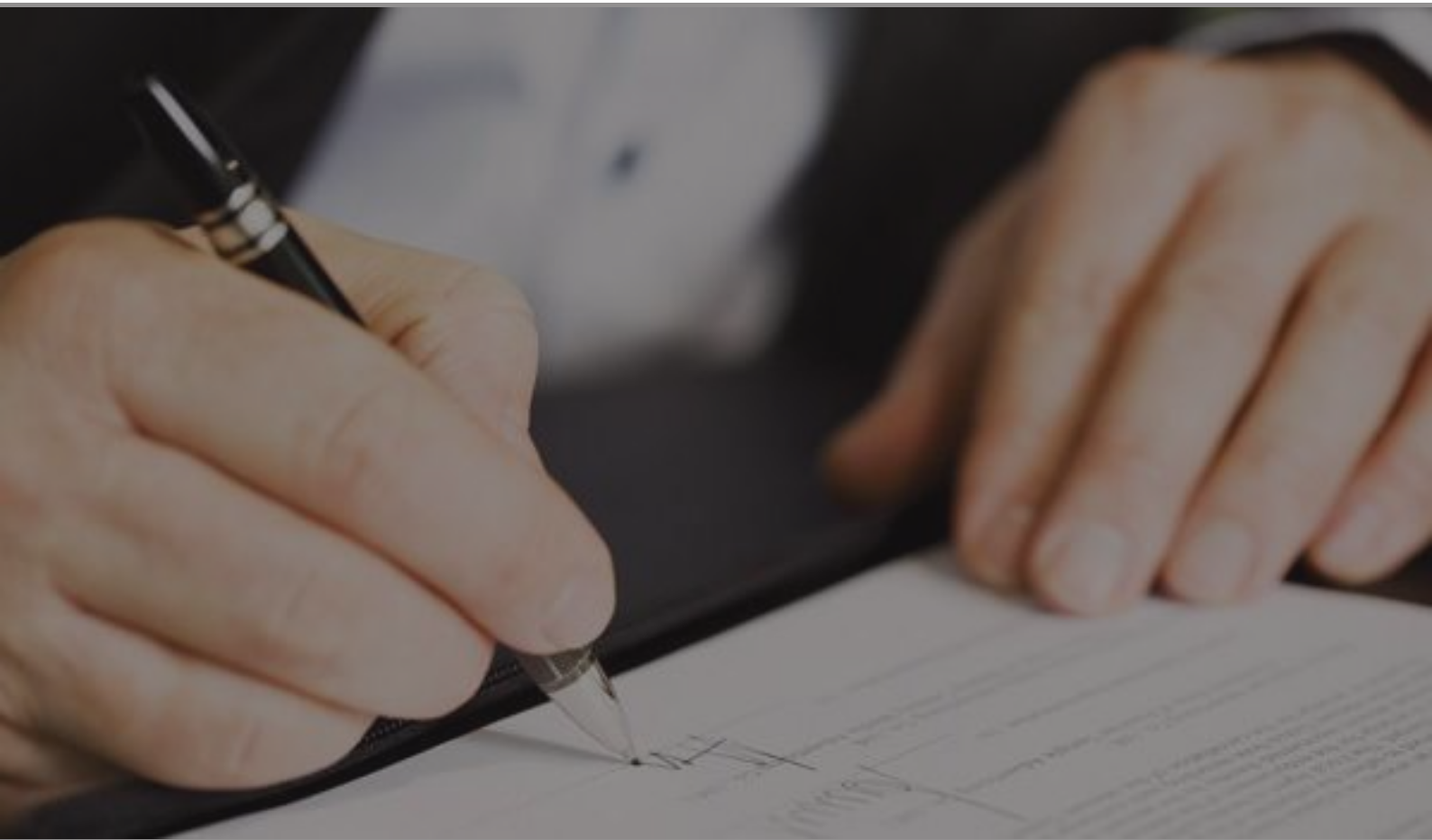
5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 02 năm 2019


Hồ Nguyễn Tú Anh **Nguyễn Huy Phương** **Phạm Hữu Tấn**
 Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc





Cam Ranh, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người đại diện theo pháp luật



***Tổng Giám đốc
Phạm Hữu Tấn***